

THUYẾT ÂM DƯƠNG CỦA VIỆT NHO

Hay

VIỆT DỊCH

A.- VIỆT DỊCH

Thuyết Âm Dương là nền tảng quan trọng nhất của Việt Nho, “ **Âm Dương Hòa** (:*Ying /Yang dual unit*) “ là nét Nhất quán của **Việt Nho**. (*Confucéisme*)

Chúng ta có thể tìm Nguồn gốc của **Việt Dịch** nơi hai **Huyền thoại** và **Thao thiết Văn Quy Long**:

- 1.- **Việt Tĩnh** (Thời Hoàng Đế . **4716** năm, khi nước Tàu mới được thành lập)
- 2.-**Tiên Rồng** .**4899** năm, thời Hồng Bàng (Trước khi nước Tàu được thành lập 182 năm .)
- 3.- **Văn Quy Long** thời Văn Hóa Hoà bình tại Thái Bình dương,cách nay **12 ngàn năm tới 30 ngàn năm** . Thao thiết là đồ cổ thời nhà Thương.

I.- HUYỀN SỬ VIỆT TỈNH

“ Việt Tĩnh ở **núi Trâu Sơn, quận Vũ Ninh, đời Hùng Vương thừ 3**, Ân vương cử binh Nam xâm, đóng quân ở núi Trâu Sơn; **Hùng vương cầu Long Quân giúp**, Long Quân bảo tìm thấy khắp thiên hạ, nếu được người kỳ tài thì đẹp được giặc; đến kỳ cầu được **Đổng Thiên vương** cỡi ngựa sắt đi đánh, **tướng sĩ nhà Ân** đều tan vỡ. Ân vương chết ở dưới núi, làm Địa Phủ Quân, dân lập đền thờ, bốn mùa cúng tế, nhưng lâu năm suy dần, bỏ thành chùa hoang. Người bản quốc tên là **Thôi Lạng làm quan nhà Tần**, đến chức Ngự Sử Đại Phu, thường đi ngang qua đây, thương cảnh điêu tàn mới trùng tu miếu vũ lại, nhân đó có đề một bài thơ:

“ **Cổ nhân truyền tụng chuyện Ân vương**
Tuần thú năm kia đến địa phương
Núi rậm nước trôi không thấy miếu
Hồn thăng dấu để vẫn nghe hương
Một mai thắng bại không Ân đức
Muôn thuở uy linh trấn Việt Thường
Trăm họ từ đây đều phụng tự
Âm phù vận nước vững vô cương.”

Sau đến đời **Nhâm Hiệu, Triệu Đà Nam xâm**, lại đóng quân ở núi này, lại trùng tu miếu mạo, cúng tế hậu hĩnh, **Ân vương cảm đức, muốn đền công cho Thôi Lạng**, mới sai **Ma Cô Tiên đi tìm** khắp nơi. Lúc bấy giờ Thôi Lạng đã chết, chỉ còn con là **Thôi Vỹ**.

Tiết thượng nguyên tháng giêng, phương dân đi lễ đền, có người cúng một cặp bình pha lê. **Ma Cô cầm lên tay ngắm nghĩa, bỗng bình rơi xuống đất, vỡ nứt một mảnh; người ta bắt Ma Cô lại, đòi bồi thường, Ma Cô mặc áo rách, không ai biết là người Tiên, họ mới lấy roi đánh.**

Thôi Vỹ thấy thế thương hại, cởi áo đèn hộ nàng; Ma Cô được khỏi đánh, nhân đó hỏi đến chỗ ở của Thôi Vỹ, Thôi Vỹ nói đến tên cha, thì nàng mới hay là con Thôi Lạng.

Nàng mừng bảo rằng : Ta bây giờ không có gì để đền ơn, sau này chàng sẽ được hậu báo. Bèn đưa cho Thôi Vỹ một tấm lá ngải và dặn rằng : Hãy giữ lấy vật này cho cẩn thận, lúc nào cũng để trong mình, gặp bệnh nhức ảnh (cái bứu) mà đem cứu tất khỏi, rồi thế nào cũng được giàu sang. Thôi Vỹ cầm lấy là ngải, nhưng chẳng biết đó là thuốc tiên.

Một hôm đi đến nhà đạo sĩ Ứng Huyền, thấy Huyền có một cái nốt trên đầu, Vỹ nói : Tôi có lá ngải, trị được bệnh này, để tôi trừ cho. **Thôi Vỹ lấy ngải cứu cho Ứng Huyền**, cái nốt của Ứng Huyền liền tiêu tan. Ứng Huyền nói : Ấy là thứ thuốc tiên vậy, tôi không có gì đền đáp cho anh, tôi có người thân thích cũng đau bệnh này, thường nói rằng ai chữa cho bệnh lành được thì dầu hết gia tài cũng chẳng hề tiếc, tôi đem anh qua đó để chữa cho họ, và để đền ơn anh. **Ứng Huyền đem Thôi Vỹ sang nhà Nhâm Hiệu (1)**, Thôi Vỹ lấy ngải ra cứu, cái nốt tức lành ngay. Nhâm Hiệu rất mừng, nuôi Vỹ làm con, mở trường để dạy Vỹ, tính Vỹ thông minh, ưa thích đàn cầm, thấy con gái Nhâm Hiệu là **Phương Dung**, mới đem lòng yêu dấu, nhân cùng nàng tư thông, tình ý quyến luyến, con Nhâm Hiệu là **Nhâm Phu** biết được muốn làm cho Vỹ chết. Đến cuối năm có lễ tế thần Xương Cuồng, người ta chưa tìm được người tế, nên Nhâm Phu bảo Vỹ : Ngày nay không nên đi ra ngoài, hãy vào công sảnh mà tránh đi, thì sau này khỏi hối. Thôi Vỹ chưa hiểu ý làm sao, Nhâm Phu đã khóa chặt cửa lại, bảo không được ra. **Phương Dung biết ý, lén lấy con dao đưa cho Vỹ, bảo đục vách mà ra.**

Đêm khuya Thôi Vỹ trốn đi, muốn đến nhà Ứng Huyền, lật đật đi lên núi, rui rơi vào trong một cái hang, tứ phía đều là vách đá, không có chỗ nào trèo lên được, ở trên có một khối đá rỗ sứa đá chảy xuống một chiếc mâm đá, có một con rắn trắng dài 100 thước, mỏ vàng miệng đỏ, vẩy bạc, dưới cằm có một cái bướu thịt, trên trán có 3 chữ “**Vương Tử Xà**”, bò ra ăn thạch nhũ, thấy trên thạch bàn hết cả, rắn cất đầu lên thấy Vỹ, toan nuốt đi, Thôi Vỹ sợ quá, quỳ xuống lạy rằng : **Thần tỵ nạn, lầm rơi xuống đây, đối bụng nên có ăn trộm vương vật, thực là có tội, dưới cằm vương có một cái nốt, thần xin lấy ngải cứu lành, xin tha tội để thần trở nghề mọn này.**

Bạch Xà lập tức ngẩng đầu lên cho Vỹ cứu, bỗng thấy đồng nội bị cháy, một tia lửa bay vào trong hang, Vỹ lấy lửa cứu cho rắn, cái nốt liền tiêu ngay. Rắn mới khom mình đến trước Vỹ, ý muốn bảo Vỹ cưỡi lên, Vỹ cỡi lên lưng rắn, rắn bò ra hang, ước một canh thì đến trên bờ, bờ vắng vẻ không có người nào đi lại, rắn quấn đuôi lại trở về hang.

Vỹ đi một mình, lạc đường bỗng thấy trên cửa thành, có một cái lầu cao, ngói đỏ lóng lánh, đèn sáng rực rỡ, trước cửa có treo một tấm biển đỏ chữ vàng, đề là “**Ân Vương thành**”. Vỹ ngồi lên cửa thành, hồi lâu không thấy người nào qua lại, mới bước vào cửa sân, thấy bên sân có một cái ao, trong ao có **hoa sen 5 sắc**, trên bờ có nhiều rặng hoa liễu, đường lát bằng phẳng, ngọc điện châu cung, toà ngang dãy dọc; trên điện đặt hai cái giường vàng trải chiếu hoa bạc, trên tường có treo một cái đàn cầm đàn sắt, Vỹ thông thả bước đến lấy cây đàn gảy một hồi lâu. Kim đồng ngọc nữ, vài trăm người hầu, bà Ân Vương Hậu mở cửa đi ra, Vỹ sợ quá, chạy xuống sân điện sụp lạy. Bà Ân Hậu cười bảo rằng : Thôi Quan Nhân ở đâu lại ?

Sai người mời lên trên điện bảo rằng : **Đền thờ của Ân Vương ta lâu đời bỏ hoang phế, nhờ sức của Tiên thân Ngự Sử trùng tu lại, người đời mới bắt chước thờ cúng luôn luôn. Vương đã sai Ma Cô đi tìm để báo đức, nhưng không gặp được Ngự Sử, chỉ gặp công tử chưa có dịp đền đáp, nay nhân được thấy mặt, thì Thượng đế đòi vương lên châu trời rồi, thôi công tử ở lại đây đợi vậy.** Rồi lưu Thôi Vỹ ở lại ăn uống no say. Bỗng thấy một người râu dài bụng lớn, cầm một tờ biểu quỳ mà tâu rằng : **Tháng giêng ngày mồng ba, Nhâm Ngao bị thần Xương Cuồng đánh chết. Nghe tâu xong, Hậu bảo rằng : Dương Quan Hậu đưa Thôi Vỹ về trần. Vỹ cáo tạ mà về. Dương Quan bảo Vỹ nhắm mắt, ngồi lên trên một chiếc quạt,**

hơn một khắc đã đến trên núi, ngày nay hãy còn sau đền thờ Triệu Việt Vương ở núi Trâu Sơn.

Sau Vỹ về đến nhà Ứng Huyền thuật lại cho Ứng Huyền nghe. Đến ngày mồng một tháng 8, Vỹ cùng với Huyền đi chơi thì gặp Ma Cô Tiên, dắt một người con Gái cho Thôi Vỹ, bảo đem về làm Vợ / Chồng, lại cho hòn ngọc Long Toại, nói đó là ngọc châu, từ thuở Trời Đất mới khai tịch, đã có một cặp Trống / Mái từ đời Hoàng Đế trải đến đời Ân truyền làm thế bảo; trong trận đánh Trâu Sơn, Ân Vương đeo nó mà chết, ngọc châu dấu trong đất, mà tia sáng chiếu thẳng lên trời. Thời nhà Tần, binh hoả liên miên, những vật trân bảo đều bị đốt cháy; các nhà Vọng khí đều biết hòn ngọc Long Toại còn ở phương Nam. Người Tàu đem vàng bạc gấm vóc giá trăm vạn để tìm mua; Vỹ nhân đấy đại phú. Sau Ma Cô Tiên rước Vợ Chồng Thôi Vỹ đi, không biết đi đâu. Nay giếng bỏ hoang thành bần thiêu, hang thì còn ở núi Trâu Sơn. Người đời gọi là Việt tinh cương vậy.”

(Trần Thế Pháp : Lĩnh Nam chích quái, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 66 – 69)

Chú thích

1.- Truyện Việt tinh có tính chất triết lý cao độ nhất, vì vẽ lại những chặng tiến của tâm thức con người, tự Xương Cuồng (chỉ đợt báỉ vật) qua nhục ảnh (chỉ ý hệ) mà lên tới Tâm linh (chỉ bằng Thôi Vỹ lấy được Tiên nữ với quà tặng là ngọc Long Toại)

2.- Chữ Cương làm liên tưởng tới Hồng phạm Cửu trù, người ta cũng quen gọi Trù là đại cương. Mỗi đại cương bao gồm một số tiểu tiết kêu là điều mục. Vì thế khi đọc Việt Tinh Cương thì nó gợi cơ cấu của Hồng Phạm với Lạc Thư cũng như lược đồ Loa Thành đều có liên hệ ngầm, được bàn trong “ Sứ Điệp ”.

3.- Chú ý nét Song trùng biểu lộ ở ngọc Long Toại vẫn đi đôi Sóng Mái, và khi giao thoa thì làm ra dạng tự ngải cứu . Nhớ chữ Ngải viết với bộ thảo 艹 trên chữ Nghệ 艾 , nên có sức cứu thoát. Rồi cũng nét Song trùng đó kép lên thành chữ tinh 井, nhái lại hình chùm sao Tinh ở phương Nam. đứng đầu chòm 7 sao : Tinh , Quỷ , Liễu , Tinh , Trương , Dực , Chẩn. Nét Song trùng còn hiện ra ở lá cờ Si Vưu (mỏ vàng, miệng đỏ) , nơi con rắn dài 100 thước (Bách Việt thờ Rồng). Rồi các số 3 là nhịn 3 ngày, ngải hái đã 3 năm. Bộ số 2, 3 chuyển vận để thành Việt Tinh Cương, nên cuối truyện, giếng hiện ra cách đột ngột.” (Kim Định : Kinh Hùng khai triết , trang 207 – 209)

4.- “ Thôi Vỹ : Thôi là lớn mạnh. Chữ Vỹ làm liên tưởng đến cái gì tế vi, hoặc là đuôi, tức cái gì cùng cực. Hai chữ Thôi Vỹ chỉ người chú ý đến cái tế vi, chú ý đến Đạo. Đạo là chỗ chí cực của vật (Đạo vật chí cực) .

Hay là người ta thấy được cái tinh vi trong vĩ đại , cũng như cái vĩ đại trong tinh vi .

5.- Ngải cứu : (艾 灸) Ai cũng biết là một vị thuốc mà tự dạng lại gồm có chữ nghệ (

艾: gồm nét phẩy < 丿 > và nét móc < ㇇ > giao thoa thành chữ Nghệ: 艾) tức là nền tảng

Kinh Dịch và hai nét Trời < ㇇ : Tả nhậm > và Đất < 丿 : Hữu nhậm > giao thoa.

Có lẽ vì Ngải là vị thuốc rất hay và có tính chất phổ biến, nên người xưa đã viết cách cao trọng như vậy. Có điều chắc là từ rất lâu xưa đã có niềm tin rằng là ngải hái lúc gà vừa gáy ngày mồng 5 tháng 5, rồi cho vào cái túi treo trước cửa nhà thì tránh được sét đánh (Dances 532) . Chúng ta dễ nhận thấy những tin tưởng dị đoan này có thể phát xuất do biểu tượng lá Ngải là Đất số 2 gặp Trời số 3, tức là tinh hoa của nền Minh triết nông nghiệp (bộ thảo: 艹, Thảo : 草), nhờ nó mà chữa được bệnh nhục ảnh.

6.- Nhục ảnh: là những ý nghĩ tai hại che khuất lý trí không cho thấy sự thực, nó có hại, một là cuồng tín gọi là Xương cuồng, hai là như Ý hệ, gọi là rơi xuống hang.

7.- **Thần Xương cuồng**: hay nữa là ý tưởng của lũ đông, tức là những tin tưởng dị đoan, những vu tưởng, những ý nghĩ của lưu tục.

8 .- **Roi xuống hang** : Có thể chỉ những ý hệ hay cả những dư luận suy tưởng của lũ đông, nó làm nên một thứ hang giam giữ Tâm Trí con người. Thôi Vỹ cũng tin theo như ai, nhưng may mắn thoát được là có lá Ngải, và do đây làm quen được với con Rắn.

9 .- **Con Rắn** : Dài 100 thước, mỏ vàng, miệng đỏ là **vật Tổ Long của Bách Việt, có màu cờ của Si Vuu nền vàng có miếng tròn đỏ ở giữa. Đó cũng là cái Long đực của Kinh Dịch**, ai hiểu được thì có thể cỡi 6 rồng mà đi lên trên đường tiến hoá Tâm linh để đạt Minh triết nói bóng là lấy được Vợ và được ngọc Long toại.

Việt tinh là một trang Huyền sử của nước ta. Huyền sử kể chuyện hôm qua để nói về hôm nay cũng như mai hậu. Vì nó vượt thời gian, nên đây tính cách thời sự : nó tiên tri bi trạng nước ta hiện nay. Nhưng nó cũng là Việt Nho không bao giờ chịu thúc thủ, nên cũng chỉ luôn ra phương thuốc để chữa bệnh, bệnh là Nhục Ảnh, thuốc là Ngải Cứu, tức là Kinh Dịch.”

(Kim Định: *Dịch Kinh linh thể, An Việt Houston* , trang 43-44)

II.- NGUỒN GỐC CÁC NHÂN VẬT HUYỀN SỬ

(*Gốc rễ triết Việt: Kim Định*)

“ Xin coi đây là vài trung dẫn mẫu thay cho hàng ngàn tang chứng khác đã thu lượm qua hàng trăm sách nghiên cứu cách nghiêm túc để khỏi quấy rầy độc giả phải đọc thêm nhiều trung dẫn khác. Chỉ cần tóm lược rằng tất cả các chứng từ đó đều đưa đến kết luận chung là **Tàu cùng một chủng tộc, cùng Văn hoá với đại chủng Việt, và mới tách ra từ tộc Thương (Hoàng Đế do đạo Lão đặt ra sau . Need. I. 189) , nhưng ngoài vài thói tục riêng (cờ Bach hổ, đi xe ngựa), thì Văn hoá hoàn toàn Di, cả đến bà Giản Dịch sinh ra tộc Thương cùng sinh để theo lối Di là “ nuốt trứng chim “ Trống quân. Như vậy các **Tổ** trước gặp trong sách được cho là **Tàu** vừa trái khoáy lịch sử (anachronisme), vừa mâu thuẫn, thí dụ: **Nghiêu Thuấn** mới có trong sử sau Khổng Tử. **Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông** toàn là người Di. **Phục Hy** cũng gọi là **Thanh tinh: Rồng xanh** (Rồng là Di). **Nữ Oa** đầu người mình rắn (Di) . **Thần Nông** cao 8 thước 7 tấc, tức trừ 5 thì ra con số 2 – 3 của Di. Vì thế không được nhắc đến trong Kinh Thư, chỉ mới được đưa vào sau theo lối riêng, càng cổ thì càng được đưa vào muộn, thí dụ: **Bản Cổ** lâu nhất vì mở đầu lịch sử toàn vùng thì mới được đưa vào đời **Tam Quốc**, do **Từ Chỉnh** trong cuốn “ **Tam Ngũ Lược Kỳ** “ . **Bản** là họ đứng đầu người Việt Đông (Origines 459) . Theo lưu truyền thì mô mả còn đâu đó trên rừng núi Quảng Đông . Vậy **Bản Cổ** là **Tổ họ khai quốc năm 2879 BC**. **Bàng** cũng đọc là **Bành (Bàng Tổ)** , là **Bàn**, là **Ban**, **Man**, **Mân**, **Môn**, **Ma-na**, **Mã Lai**, **Mongol**. . . đều tự **Bản Cổ** mà ra, chỉ có cách đọc là khác. Đây mới là liên hệ tên, chứ nếu kể đến liên hệ Văn hoá thì toàn cõi Đông Á không đâu ra khỏi đại chủng Việt “**

III.- HUYỀN SỬ TIÊN RỒNG

“ **Cháu 3 đời Viêm Đế họ Thần Nông tên là Đế Minh** sinh ra Đế Nghi, rồi đi Nam tuần đến Ngũ Lĩnh, gặp được nàng **con gái Vụ Tiên** đem lòng yêu mến, mới cưới về, sinh ra **Lộc Tục**, dung mạo đoan chính, thông minh túc thành. Đế Minh lấy làm lạ, cho nối ngôi vua; Lộc Tục có nhường cho anh, Đế Minh lập Đế Nghi làm tự quân cai trị phương Bắc, phong **Lộc Tục làm Kinh Dương vương cai trị phương Nam, đặt quốc hiệu là Xích Quỷ quốc. Kinh Dương vương xuống thủy phủ, cưới con gái Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm, tức Lạc Long quân. Lạc Long quân thay cha trị nước, còn Kinh Dương vương thì không biết đi đâu. Lạc Long quân dạy dân ăn mặc, bắt đầu có trật tự về quân thần, tôn ty, có luân thường về phụ tử, phu phụ, hoặc có lúc đi về Thủy phủ nhưng trăm họ vẫn được yên ổn . Dân lúc nào có việc cần thì kêu Lạc Long Quân : Bỏ đi đàng nào, không đến mà cứu chúng ta !**

(Người phương Nam gọi Cha bằng Bố, gọi Quân bằng Vua là tự đấy), thì Lạc Long quân lập tức đến ngay, uy linh cảm ứng không ai có thể trặc lương được.

Đế Nghi truyền ngôi cho Đế Lai cai trị phương Bắc, nhân khi thiên hạ vô sự, sức nhớ đến chuyện ông nội Đế Minh Nam tuần gặp được tiên nữ, **Đế Lai bèn khiến Xi (Si , Li) Vu tư tác chủ quốc sự** mà Nam tuần qua nước Xích Quỷ, thấy Lạc Long quân đã về Thủy phủ, trong nước không vua, mới lưu ái thê là **Âu Cơ** cùng với bộ chúng thị thiếp ở lại hành tại. Đế Lai chu lưu khắp thiên hạ, trải xem tất cả hình thể, trông thấy kỳ hoa, dị thảo, trân cầm dị thú, tê tượng, đòi mồi, kim ngân, châu ngọc, hồ tiêu, nhũ hương, trầm đàn, các loại sơn hào hải vị, không thứ nào không có; khí hậu bốn mùa lại không nóng không lạnh, Đế Lai ái mộ quá quên cả ngày về. **Nhân dân nước Nam khổ vì sự phiền nhiễu, không yên ổn như xưa, đêm ngày trông đợi Long Quân về, nên mới đem nhau kêu rằng: Bố ở phương nào, nên mau về cứu nhân dân. Lạc Long quân bỗng nhiên lại về, thấy nàng Âu Cơ ở một mình, dung mạo đẹp lạ lùng, yêu quá, mới hoá ra một chàng nhi lang phong tú mỹ lệ, tả hữu thị tùng đông đảo, tiếng đàn ca vang đến hành tại. Âu Cơ trông thấy mà lòng cũng ưng theo; Long Quân bèn rước nàng về núi Long Trang .**

Đế Lai về không thấy Âu Cơ (1) bèn sai quần thần tìm khắp thiên hạ. Long Quân có thần thuật, biến hiện trăm cách, nào là yêu tinh quỷ mị, nào là long xà hổ tượng, kẻ đi tìm ứ cụ, không dám lục đảo tận cùng. **Đế Lai trở về Bắc lại truyền ngôi cho Đế Du Vông .**

Du Vông truyền lại cho Xi Vu tư, Xi Vu tư cùng với Hoàng Đế đánh nhau ở Bản Tuyền và Trác Lộc không hơn nên tử trận. Họ Thần Nông bèn mất .

Âu Cơ ở với Lạc Long Quân một năm, sinh ra một bọc trứng, cho là điềm không hay, nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con (trai), bà đem về nuôi, không phải cho ăn, cho uống, cho bú, mà tự nhiên trường đại, trí dũng song toàn, ai cũng ứ phục, bảo nhau đó là những anh em phi thường.

Long Quân ở lâu dưới Thủy Phủ, mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh; Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân binh trấn ngự quan tái; mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long Quân: **Bố ở phương nào, làm cho mẹ con ta thương nhớ ! Long Quân hốt nhiên lại đến, gặp mẹ con ở Tương Dã,** Âu Cơ nói: Thiếp vốn người Bắc, cùng ở một nơi với quân, sinh được 100 con (trai), (2) mà không có gì cúc dưỡng, xin cùng theo nhau, chớ nên xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình vò vố.

Long Quân bảo : Ta là loài Rồng, sinh trưởng ở thủy tộc, nàng là giống Tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí Âm Dương hợp lại mà có con, nhưng Phương / Viên bất đồng, Thủy / Hoả tương khắc, khó mà ở cùng nhau trường cửu .

Bây giờ phải ly biệt, ta đem 50 con (trai) về Thủy Phủ, phân trị các xứ, 50 con (trai) theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.

Trăm con (trai) đều nghe mệnh, rồi mới từ giả ra đi. Âu Cơ cùng với 50 người con (trai) ở tại Phong Châu (Bây giờ là huyện Bạch Hạc), suy tôn người hùng trưởng lên làm vua , hiệu là Hùng Vương, họ là Hồng Bàng, quốc hiệu là Văn Lang hay nước Xích Quỷ (tỉnh hoa của miền Nam). Ranh giới nước Xích Quỷ thời bấy giờ như sau : Bắc giáp Động Đình Hồ, tức Hồ Nam (Trung Quốc), Nam giáp Hồ Tôn (tức Chiêm Thành), Tây giáp Ba Thục, Đông giáp biển Nam Hải . ”

(Lĩnh Nam chích quái: Trần Thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 43-44. Trăm Việt xuất bản)

“ **Lạc Long Quân và Âu Cơ .**
Lạc Long lại sánh Âu Cơ (Cơ)

100 con điềm ửng, hùng bi lạ đường (1)
 Noãn bào (2) dù chuyện hoang đường,
 Vì xem huyền diệu (3) sinh Thương khác gì
 Đến điều tan hợp cũng kỳ
 Há vì Thủy Hỏa sinh ly như lời,
 Chia con cũng sự lạ đời ,
 Quy Sơn quy Hải khác người biệt ly,
Lạc Long về chôn Nam thù (4)
Âu Cơ sang nẻo Ba Vì Tản Viên,
 Chủ trương chọn một con hiền,
 Sửa sang việc nước, nổi lên ngôi Rồng “
 (*Việt Nam Quốc sử diễn ca*)

(1) : Các giống gấu: nằm mộng thấy con gấu là điềm đẻ con trai.

(2) : Noãn bào : bọc trứng . Tục truyền rằng Bà Âu Cơ đẻ ra 100 trứng nở ra 100 con.

(3) : Chim yến. Tục truyền, bà tổ nhà Thương bên Tàu, nằm mơ thấy chim huyền diệu , sau con cháu ra làm vua .

(4) Nam thủy: miền Nam, tức là miền biển .

Kinh Tiên Rồng

“ Giống dân Việt khởi nguồn từ khi một bà Tiên và một ông Rồng phối hiệp nhau và bà Tiên sinh ra cái bọc trăm trứng nở ra 100 người con. Sau đó ông Rồng nói với bà Tiên: Ta là giống Rồng, nàng thuộc dòng Tiên, không ở với nhau lâu dài được, nên nàng đem 50 con lên núi, ta đem 50 con xuống biển. Khi cần thì gọi, ta về ngay. Từ đó dòng giống Việt ngày một phát triển.”

(*Nam Thiên : Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng, trang 21*)



(*Nguồn Việt sử bằng tranh: Trần Việt Nam. Cửu Long giang. Vi Vi*)

Mẹ lên Non tu Nhân , Cha xuống Biển luyện Trí, nhưng vẫn hẹn hò gặp nhau trên cánh đồng Tương để cho “ Tình / Lý tương tham “ mà đạt đức Hùng / Dũng.

Khai triển

1.- Tiên, Rồng: Vật biểu kép của Việt Nam

Bất cứ nước nào trên thế giới đều cũng chọn cho nước mình một vật biểu: Pháp chọn Gà cồ, Đức chọn Gấu, Mỹ Chim Ưng, Tàu đời Hiên Viên là chim Cú, đến Bạch mã, sau mới chọn Rồng. Trên thế giới chỉ có Việt Nam mới chọn hai vật biểu : Tiên và Rồng.

Ban đầu thì chọn **Chim và (Rắn) cá Sấu** . Về Chim thì lúc thờ Mặt Trời là **Chim Trĩ** - dương điều - rồi đến **chim Hồng** được đặt tên cho họ Hồng Bàng, rồi **chim Vũ tiên** là vịt trời, được đặt làm tên cho vợ Lộc Tục, **Lộ bàn** là cò trắng, rồi **Hải Âu** được đặt tên cho Mẹ Âu Cơ, có khi còn chim **Thiên nga** nữa. Các loại chim về sau là **loài Lưỡng thê**, có thể sống trên đất trên đất và ngay cả dưới nước nữa, để có thể liên lạc với Rồng, hầu giữ vững mối tương quan với Rồng. Còn vật biểu thứ hai trước hết là rắn, rồi đến cá sấu, là loại vật sống dũng mạnh và sống dai dẳng nhất, sau 2 loại Giao Long và Xà Long thăng hoa thành Rồng, Rồng là vật tượng trưng có thể sống sâu tận dưới đáy biển, mà cũng có thể tung lên không trung làm mưa làm gió, cũng là vật lưỡng thê, nên vẫn giữ được tương quan với chim Tiên. Vì được thăng hoa lên, nên Tiên và Rồng không phải là hai vật có thực, mà chỉ là vật tiêu biểu thôi.

“ Tiên là hình ảnh của một nàng Tiên ở trên núi cao, xinh đẹp vô ngần, dịu hiền tuyệt đỉnh, khoan nhân vô lượng, từ ái vô song, siêu phàm thoát tục. Rồng là loài sống ngoài biển khơi, khi thì tung mình lên trời cao làm mây mưa gió bão, khi thì ẩn sâu dưới đáy biển, ẩn nhẫn chờ thời cơ, nên Rồng tượng trưng cho sự dũng mạnh vô song, sự ẩn nhẫn khôn tả, sự biến hoá khôn lường “ (Nam Thiên: Kinh Tiên Rồng)

Tổ tiên chúng ta nhận Tiên Rồng làm vật biểu để nhắn gởi cho cháu con, rằng dân Việt là nòi của trai hùng, gái đảm: hùng dũng, quyền biến như Rồng, và đảm đang và cao đẹp như Tiên.

Có lẽ, những chặng đường lịch sử đấu tranh để tồn tại đã đem lại cho Cha ông những tư tưởng siêu phàm đó. Do đó mà có tên Việt: Việt nghĩa là siêu việt, là vươn lên, những giá trị cao đẹp, lúc này chữ Việt còn viết với bộ mễ (chữ Nho), đến sau vì bị lấn chiếm không chống cự nổi, nên đổi chữ Việt viết theo bộ tẩu, nghĩa là chạy, là vượt thoát, thiên di về Nam.

Ông Lê văn Ân nhà khảo cổ học ở Úc có ý kiến cho rằng bộ tẩu (chạy) là hình ảnh của cái qua (can qua), là cái dáo dail có nhiều móc ngang, Tổ tiên người Việt xưa dùng để đánh nhau (móc) với quân du mục ngồi trên mình ngựa, họ vừa chạy vừa đánh, dùng mũi nhọn để đâm, dùng móc để móc quân thù trên lưng ngựa xuống, nên chữ Việt gồm có bộ tẩu và qua. (越 : Việt = 走

: tẩu + 戍: qua)

2.- Gương Mẹ Tiên Âu Cơ và Cha Rồng Lạc Long

Mẹ Tiên Âu Cơ khi nào cũng được đề trước Rồng, vì được coi là trọng thể hơn, hình ảnh Tiên của Mẹ được đặt nặng hơn, nguyên lý Mẹ được coi trọng, tình yêu của người mẹ rất bao la, nên đây là một xã hội Tình được coi trọng hơn Lý. Mẹ Âu Cơ là chim, nên đẻ ra một bọc trứng lớn, để bọc giống như chim, nhưng khác là bọc trứng chứa những 100 trăm trứng nhỏ, được nở ra trăm con (có nơi ghi là 100 trai: có lẽ để nhấn mạnh là vào thời kỳ chuyển sang phụ hệ) Thời Âu Cơ, Lạc Long Quân là thời xã hội sơ nguyên của dòng Việt, Tiên Rồng là giống cao trọng, nên muốn xã hội của con cháu mình về sau cũng xử sự với nhau một cách tốt đẹp như thế. 100 con đây chắc không phải là con số toán học, một lượng số nhất định, mà chỉ có ý là nhiều, như là trăm họ. Lời nhắn nhủ là:

Trong xã hội, tuy có sự khác biệt, nhưng con cháu đã được cha mẹ áp ủ trong cùng một bọc ái ân, nên luôn ghi nhớ là:

Các con hãy Yêu thương nhau tận tình.

Khi nở ra mọi con đều giống nhau y hệt, và lúc chia con cũng cho một nửa theo Mẹ, nửa kia theo Cha, nên hết sức công bằng. Đó là lời căn dặn con cháu ngàn đời về sau rằng:

Các con hãy cư xử Bình đẳng và Công bằng với nhau.

Vì Mẹ Tiên yếu đuối hơn, được cha Rồng ưu ái nâng đỡ, **nghĩa là phù yếu**, để cho cuộc sống Mẹ Cha được cân bằng, các con cũng cư xử với anh chị em như vậy. Tuy Nam Nữ bình quyền, nhưng người nữ liễu yếu đào tơ, nên cần được nâng đỡ hơn.

Các con của Âu Cơ và Lạc Long được sinh ra trong một cái bọc kỳ dị quá, “ bị vớt ra ngoài đồng, khi nở ra không phải cho ăn, cho bú, mà tự nhiên trưởng đại, trí dũng song toàn ”.

Đây chính là con cháu của nòi Bàn Cổ rồi, là những con người Nhân chủ, luôn biết tự lực tự cường để vượt qua mọi khó khăn, biết sống hiên ngang trong Trời Đất.

Mẹ Tiên thuộc Âm, cha Rồng thuộc Dương, phương viên bất đồng, thủy hỏa tương khắc, hai bản chất trái ngược nhau, nên khó hoà hợp với nhau, đành phải chia tay để làm tròn chức phận của mình : 50 con theo Mẹ lên núi là lãnh vực phát triển của Mẹ, mọi người phải **phát triển hết bản sắc nguồn Tinh** của mình để mà xây dựng nông nghiệp, làm cho đất nước hùng mạnh, dân tộc hùng cường . Nho giáo gọi đây là **hoạt động phối Thiên để thăng hoa đời sống**.

Cũng vậy, 50 con theo cha xuống biển, biển là môi trường vẫy vùng thuận lợi của cha, cũng có nghĩa là vùng đồng bằng, là miền xuôi, hay miền hải đảo, để **phát triển Lý trí sâu thẳm như lòng đại dương** chứ không phải người cha bỏ đi xuống biển mất tích, để phát triển công thương nghiệp. Đây Nho giáo gọi là **hoạt động phối Địa**.

Trước khi chia tay, Lạc Long đã căn dặn : “ **dù lên núi xuống nước, nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau** “, và khi được Âu Cơ gọi thì Long Quân đột nhiên xuất hiện gặp mẹ con ở Tương Dã. mà ta gọi là **cánh đồng Tương**. Tuy kẻ lên non, người xuống biển, nhưng phải gặp nhau

để tương giao để cho Tinh Lý tương tham, khi đó thì con người mới phát triển toàn diện được . Mẹ Âu Cơ chú tâm vào nguồn Tâm linh là nguồn Tinh Nhân ái, cha Long Quân chú về Thế sự là nguồn của Lý Công chính.

Vậy sự chia tay giữa Âu Cơ và Lạc Long là một sự phân công, một sự sắp xếp để làm phát triển toàn diện cá nhân cũng như xã hội, và sự căn dặn lúc chia tay là để giữ cho mối Tương quan giữa cá nhân và xã hội được bền chặt và cân bằng, để mọi sự được vuông tròn .

**“ Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông “**

Nguồn: Lãnh vực hoạt động của Tiên), lạch Sông: Lãnh vực hoạt động của Rồng.

**“Ai về nấu với nẫu (1) nguồn,
Măng le (2) gỏi xuống, cá chuồn gỏi lên (3)”**

Nẫu hay Nậu : là họ, kẻ, những kẻ. Nẫu nguồn là những kẻ sống trên nguồn của suối, tức là trên núi, quê hương của Mẹ Tiên. Măng le : loại măng vôi, nhỏ. Măng le là loại măng mọc ở trên nguồn, trên rừng, là thực phẩm Mẹ Tiên hay dùng. Cá chuồn là loại cá ngoài biển, cá sống từng đàn, bay được, có khi bay vào thuyền đánh cá làm chìm thuyền luôn. Cá chuồn là sản phẩm nơi cha Rồng . Măng le nấu với cá chuồn là thức ăn bình dân của dân Việt, chắc là hai thứ nấu chung thành món kho ngon. Bao giờ Mẹ Tiên cũng tìm cách dùng miếng trầu đưa duyên mời cha Rồng trước, để dịu nhau về cánh đồng Tương, sự chia tay lên non xuống biển không là sự ly dị.

3.- Những bài học của Mẹ Tiên, Cha Rồng

Là con dân một nước, chúng ta coi nhau như anh em ruột thịt, hãy yêu thương nhau, giúp đỡ nhau hết lòng trong mọi nơi và mọi lúc. Con dân trong một nước không kể người khôn kẻ

tôi, kẻ giàu người nghèo, không kẻ sang hèn, thứ bậc, tuổi tác . . . , hãy luôn luôn đối xử bình đẳng và công bằng với nhau. Nhớ phù yếu, nghĩa là phải nâng đỡ người nữ, và trong lối ăn ở phải coi trọng Tình hơn Lý, tuy ngoài là Lý nhưng trong là Tình. Mọi người mọi giới phải tìm cách phát triển hết bản sắc của mình để xây dựng con người trai hùng gái đảm, một gia đình thuận vợ thuận chồng, một xã hội bình đẳng và tương thân tương ái. Phải nhận biết những xung khắc của những thực thể đối kháng trong con người và cuộc đời để Tương dung, để giữ mối tương quan cho được cân bằng, hầu tránh cảnh phân hoá.

4.- Những áp dụng trong thực tế của cuộc sống

Con dân trong một nước, có cội nguồn từ bọc Ấu Cơ Tổ mẫu, nên phải yêu thương, nâng đỡ nhau. Gọi nhau là Đồng bào (được sinh ra cùng trong một bọc) để nhắc nhở bài học yêu thương nhau. Hai tiếng Đồng bào đã nằm trên cửa miệng của con dân Việt ít nhất là 5.000 năm . Không những bà con mới được gọi bằng những tiếng thân tình như Dì / Dượng, Cô / Chú, Cô / Bác . . . , mà bất cứ ai là người Việt, hễ tuổi ngang hay hơn vai Cha mình thì gọi bằng Bác, dưới hơn thì gọi bằng Chú, người nào cùng lứa với Mẹ mình thì gọi là Cô hay Dì, người nào vào lứa con cháu mình thì được gọi là con là cháu. Trong xã hội Việt Nam, mọi người đều được đối xử với nhau như là bà con thân thuộc.

Ngày nay đang có khuynh hướng gọi nhau là Đồng hương, mỗi người chúng ta nên tự vấn tại sao? Có phải đã ăn ở tệ với nhau quá, nên nhìn mặt nhau không đặng, gọi nhau bằng đồng bào không đặng!

Từ cặp đôi Âm Dương, Tiên Rồng, dân tộc ta thường nói theo nhịp đôi, và coi trọng nguyên lý Mẹ, nên luôn luôn nói : Tiên / Rồng, vợ / chồng, mẹ / cha, cô / chú, dì / dượng, tâm / vật , tình / lý, trên / dưới, trong / ngoài, trước / sau, không gian/ thời gian, học / hành, sống / chết Và từ đó mới tìm

phương cách làm cân bằng hai thực thể trái ngược đó, hầu thăng hoa cuộc sống, đây là nguồn gốc từ Âm Dương, Thái Cực. Thế quân bình giữa hai thực thể đối nghịch, gọi là thế Lưỡng hợp.

5.- Lý do hai chữ Việt Nho

(Pho tượng đẹp nhất của Việt tộc: Nội dung: Mục 3. Kim Định)]

“ Nền triết lý mới của Việt được gọi là An Vi, nhưng khi xét về nguồn gốc sử trình thì gọi là Việt Nho.

Hai chữ Việt Nho nghe suôn sẻ mà sự thực nói lên một cuộc cách mạng hết cỡ: xưa rày liên hệ Tàu Việt vẫn đi theo lối Tàu trước Việt sau, như ta quen nói Hán Việt, trong tương quan đó thì Việt học với Tàu từ chữ viết cho đến guồng máy cai trị, binh bị, học thuật không sót cái chi.

6.- Tàu học Việt

Đến nay đột nhiên có người dám đưa ra thuyết Việt Nho đặt ngược lại thứ tự tôn Việt lên “ làm Thầy ”, hạ Tàu xuống làm Trò có phải điên chăng ? Cả một rừng sách vở, cả một ngàn năm đô hộ với cái dĩ vãng như kia sao lại có thể đùa dai như thế được !

Thưa rằng không đùa dai chi cả, mà chỉ là lật lại một trang sử cũ, nhưng đã bị cả Tàu lẫn Việt quên bẵng. Xưa nay ai cũng cho sử Tàu là Việt đều khởi từ đầu, nhưng kỳ thực mới chỉ là khởi từ khúc giữa: nước Tàu thì trước Tần Hán một chút, còn Việt thì nhiều lắm cũng mới tới từ hai Bà Trưng, trước nữa mới là một mớ truyền thuyết. Vậy mà chính thời xa xưa đó mới là thời đích thực của Văn hoá, chứ từ Tần Hán cũng như Trung Triệu chỉ là Văn minh vòng ngoài. Nói theo Triết Việt Nho thì các sử gia tới nay mới biết có Hình mà chưa hiểu Tượng theo câu Kinh Dịch:

Tại Thiên thành Tượng

Tại Địa thành Hình.

Biết Hình tức là những cái hiện ra hình tích cụ thể như các **Biến cố** có ghi chép, nhưng còn cái **Tượng**, tức là cái **Ý tưởng** dẫn đạo, cái dạng thức chỉ huy Văn hoá thì chưa ngó tới. Như vậy là mới biết có Ngon mà chưa biết đến Gốc, nói theo Việt Nho là mới biết Lịch sử mà chưa biết Huyền sử, mà Huyền sử mới quan trọng cho Văn hoá. Vì không biết Huyền sử thành ra cho là tất nhiên những cái chẳng có tất nhiên chút nào .

Hãy lấy một vài thí dụ cụ thể:

a.- Trước hết là RỒNG

Có phải đó là vật biểu của Tàu từ đầu như vậy chăng ?

Vì cho là tất nhiên nên xưa nay chẳng ai đặt vấn đề chứ đừng nói đến giải đáp. Nhưng nếu ta đi một đường ngoi ngược về nguồn sẽ thấy: **Vật Tổ của Tàu trước là chim Cú, rồi Hồ** (bạch hồ) **rồi Cá hay gì nữa, mãi tới quảng nào đó đời Hán mới nhận RỒNG.** Trái lại Việt tộc đã nhận RỒNG ngay từ đầu, nên có câu “ **mẹ Tiên cha RỒNG** ” (Tiên mẫu Long phụ). Tuy nhiên RỒNG lúc ấy mới là Tượng như Rắn, **Xà long** hoặc **Giao long** tức là một loài cá sấu sau biến dần qua các hình thái như **Ly, Bàn, Quỷ**, cuối cùng mới ra **RỒNG.** Vậy **RỒNG, xét như hình ảnh rõ ràng như nay thì là của chung Tàu và Việt, còn Giao long, Xà long mới là Tượng: cái Tượng mập mờ thấp thoáng thì của riêng Việt.**

b .- Chữ viết

Chữ Nho hiện nay là chữ Lệ đã hiện ra hình thể rõ rệt từ đời Tần, nhưng trước đó mới là tượng gọi là **chữ Con Quăng** (Khoa đầu) và trước nữa là **chữ Chân Chim** (Điều tích) và rất nhiều loại chữ gọi là **chữ kỳ dị** (kỳ tự) hoặc **phép Kết thừng**: những loại chữ này mới là tượng theo nghĩa khá sát là biểu tượng hay Vật Tổ của Bách Việt là Tiên RỒNG (**Tiên liên hệ với chữ Chân Chim, RỒNG liên hệ với chữ Con Quăng**), những loại chữ này có lâu đời trước thuộc chi tộc này hay chi tộc khác trong toàn khối Bách Việt, **còn chữ Lệ mới có về sau như hậu thân của nhiều đợt sửa đổi và thống nhất, mà đợt cuối cùng xảy ra đời Tần với Lý Tư, và đã bắt buộc mọi nơi phải theo, cấm các chữ khác của Bách Việt.** Có thể vì vậy mà chữ Việt Nam **biến mất, và sau này lập lại thì không dám đọc rõ mà phải đọc trại ta Nôm.** Chữ Nôm là chữ Nam đó.

c .- Kinh Dịch

Thí dụ thứ ba có liên hệ tới văn tự là **Kinh Dịch.** Ai cũng cho Kinh Dịch là của Tàu, nhưng nếu xét tới ngọn nguồn thì không phải như vậy, vì Dịch có 5 giai đoạn:

- a.- Đạo Dịch của Trời Đất
- b.- Đạo Dịch của Phục Hy
- c.- Đạo Dịch của Ông Đại Vũ
- d.- Đạo Dịch của Văn Vương
- e.- Đạo Dịch của Khổng Tử.

Vậy Dịch của Tàu chỉ ở 2 giai đoạn sau (d và e) gọi được là hình tức là đã có chữ nghĩa, **nhưng chỉ gọi là Hệ** từ nghĩa là chữ buộc về sau. Tức là sau khi sách đã có rồi, nhưng mới ở thể tượng nghĩa là ở giai đoạn 2 (b) mới có quẻ với Phục Hy, còn trước nữa ở giai đoạn 1 (a) còn lờ mờ hơn nữa gọi là **đạo Dịch của Trời Đất** thì mới có những **Huyền thoại cặp đôi như Trời / Đất, Núi / Sông, Tiên / Rồng, Đực / Cái, ông Cồ / bà Cộc, ông Đùng / bà Đà, bà Nữ Oa / ông Tứ Tượng . . .**

Đó là những cặp đôi tuy lơ mơ, nhưng với Kinh Dịch lại là nền tảng vì làm nên cái gọi là Lưỡng Hợp tính hay nét Song trùng. Vậy nét Lưỡng Hợp này (*Dual unit*) thấy nhiều nhất ở Đông Nam Á, nên các học giả đều cho là nét đặc trưng của khu vực này mà trong đó Việt Nam là trung tâm, nên nói Kinh Dịch là của Việt Nho theo nghĩa đó.

Cũng phải nói như vậy về giai đoạn **Phục Hy**, vì Tổ này ở miền Đông là miền thuộc Di Việt. Lưu truyền nói Phục Hy là người Tàu là nói theo sự chiếm đoạt của Hán Nho.

Chứ vào thời Phục Hy đã có Tàu đâu mà bảo Ông là người Tàu! Tàu chỉ xuất hiện dù chỉ trong Huyền thoại mới từ Hoàng Đế (sau cả họ Hồng Bàng), còn chính thức mới từ nhà Hạ lỗi vài chục thế kỷ trước kỷ nguyên. Khoa khảo cổ mới tìm được dấu tích có đến **nhà Thương Ân tức là vào lối thế kỷ 15 tr. c. n, còn trước đó toàn cõi nước Tàu còn như nhau, mà Văn hoá nổi lại thuộc Việt tộc, mãi đến thời **Xuân Thu** thì những chữ **Nhung, Địch, Man, Di** mới đèo theo nghĩa kỳ thị. Chứ trước kia thì “ **Bái Nhung bất hạ** ” nghĩa là Tàu học với Nhung (cũng là Di) không có gì là xấu hổ như sách Tả truyện thuật lại.**

d.- Mái nhà cong

Đền thờ mái cong của Tổ Mẫu Âu Cơ



Nhà mái thẳng Tử Cấm thành của Trung Hoa

Ai cũng bảo mái nhà cong là của Tàu, nhưng đó là đợt Hình mà **đợt này mới có tự đời Đường gì đó, còn trước nữa thì mái nhà của Tàu thẳng băng**, như thấy trong các nhà được khảo cổ khai quật lên. Cả những nhà tùy táng gặp trong các mộ người Tàu tìm được ở Lạch Trường cũng mái thẳng, đang khi đó thì **những nhà ở Đông Sơn đã cong mái từ lâu rồi**, như thấy được trong hình Trống Đồng mà luôn cả những di hình của nhà hoá thạch đào được ở Đông Sơn. Vậy đó quả là **tại Thiên thành Tượng**, rồi sau Tàu tô điểm cho thành ra Hình như ngày nay. Trên đây là vài ba thí dụ, tuy ít nhưng toàn là nền móng.

Vì thế, đứng về Văn hoá không nên nói Hán Việt, mà phải nói Việt Nho để ghi lại thứ tự sinh thành đích thực của Văn hoá Viễn Đông. Nói Nho để đặt nổi khía cạnh Văn hoá, còn chữ Hán là tên một triều đại đã là Tàu rõ rệt, nên chỉ là tên chính trị, không hợp với việc tìm về nguồn gốc Văn hoá. Về Văn hoá thì Việt có trước Tàu nên nói Việt Nho mới ổn.

7.- Lý chứng khảo cổ và lịch sử : Di chỉ Long Sơn, Ngưỡng Thiều, Gạo, ngọc Long Toại

Mấy thí dụ trên đây tuy rất nền tảng nhưng có thể nói mới là tiên thiên thuộc lý thuyết, nên sau đây xin thêm mấy thí dụ về lịch sử và khảo cổ và chỉ xin đan cử một **thí dụ về Di Việt**.

Ta biết người Tàu chỉ “ rợ ” mạn Tây và Bắc bằng “ Nhung, Địch ”, còn mạn Nam và Đông là **“ Man, Di ” tức là ngành tiến mạnh nhất trong Văn hoá mà sau này Tàu theo học**, nên sách Xuân Thu Tả truyện có câu **“Hoa Hạ diệc tân Di Địch”**, nghĩa là dân Trung Hoa (Hoa Hạ) cũng chính là dân Di Địch mới. Đó là câu sách thoáng qua, nhưng lại phản ảnh một lưu truyền xa xưa mà ta có thể xác định vào **đời Thương Ân lúc xâm chiếm Văn hoá Di Việt xảy ra ở vùng Sơn Đông, Hà Nam, Hồ Bắc miền Dương Tử giang, An Huy, Giang Tô miền Bắc sông Hoài . . .** mà ẩn tích là di chỉ Long Sơn rất nổi tiếng (xem Cradle tr. 188 và 313). Việc này xảy ra vào những thế kỷ 15 – 12 tr. c. n.

Nhà Thương lúc chiếm Long Sơn mới chỉ là một bộ lạc nổi hơn về binh bị, chứ về Văn hoá thì thua Di Việt rất xa. Chính nhờ cuộc chiếm Long Sơn mà “ nước Tàu ” mới nhô lên bật ra khỏi tình trạng bộ lạc (xem The birth of China của H. G. Creel). Xin nhắc lại Long Sơn là một di chỉ danh tiếng do ông Anderson khai quật năm 1923, với 3 cái lịch, (nội 3 chân rồng) rất thời danh cũng như đồ sứ đen, Long Sơn đã có làng xã, có thờ cúng Tổ tiên, cũng như vòng xoáy ốc tả nhậm (ngược kim đồng hồ), cùng riu có vai và đồ gốm có hoa văn y như Văn hoá Đông Sơn.

Khi mới khám phá ra ai cũng cho là của Tàu và từ đó tỏa ảnh hưởng xuống phía Nam, nhưng dần dần các cuộc khai quật kế tiếp chứng tỏ ngược lại, như được đúc kết vào quyển The cradle of the East của ông Bình Thế Hà mới xuất bản năm 1975 với **câu kết thúc đại khái của sách là nước Tàu được làm nên do những người không phải là Tàu.**

Thế không phải là Việt, thì ai vào đây ? **Việt tộc đã để lại dấu Văn hoá mãi từ giai đoạn Hoà Bình ít nhất trước đây 8000 năm.** Đây là về phía Đông, còn phía Tây thì phải kể **di chỉ danh tiếng Ngưỡng Thiều trong tỉnh Thiểm Tây.** Thoạt tìm ra ai cũng tưởng là của Tàu, nhiều học giả Tây Âu còn cho là cho có chịu ảnh hưởng của Tây Âu, nhưng đến nay thì dần dần nhận ra là do phía Nam. Nói vậy có nghĩa là **trước đây lối 6, 7 ngàn năm, Ngưỡng Thiều và Long Sơn là chưa phải là của Tàu, thế mà đó là 2 di chỉ then chốt đã được nghiên cứu thấu triệt, thì đủ biết hai chữ Việt Nho có đầy đủ lý chứng không những trong huyền sử mà luôn cả trong khảo cổ.** Thí dụ Gạo mới có ở Long Sơn trước đây lối 6000 năm và rất hiếm, chỉ hàng quyền quý mới được ăn. Đang khi đó gạo đã có ở Việt ngay từ đợt Văn hoá Hoà Bình, ít nhất trước đây lối 8000 năm. Ông Solheim cho rằng Gạo đã có ở hang Thần và Non Nok Tha (cùng thuộc Văn hoá Hoà Bình) lâu trước bên Tàu.

Xin kết luận bằng câu **chuyện Thánh Gióng** đánh đuổi giặc Ân có ghi trong Huyền sử nước ta, mà trước đây sử cũ coi như truyện hoang đường, nhưng nếu đọc theo lối Huyền sử dưới ánh sáng của khảo cổ thì sẽ thấy nó không phải hoang đường, vì nhà Thương cũng gọi là nhà Ân, sau khi đã chiếm Long Sơn còn tiếp tục mở mang bờ cõi thêm mãi xuống vùng Giang Tô, Chiết Giang, Kinh Sở . . . (xem Cradle tr.344). **Trong quyển State Craft (tr.198) học giả Creel có nhận xét là từ đây Tàu mới khởi đầu kinh thị Di vì hay bị Di đánh bại.** Vậy sự đánh bại này **phản ảnh truyện Thánh Gióng, phản ảnh luôn cả vụ nhà Ân hợp nhập Văn hoá Di Việt.** \Truyện kể rằng vua nhà Ân bại trận nên ôm ngọc Long Toại mà chết vùi ở đất Việt.

Đó là huyền sử không có thật ở cái Hình, tức là vua nhà Ân không có chôn ở đất Việt, nhưng có thật ở cái Tượng tức là **vua nhà Ân đã học được với Việt tộc tính chất Lương hợp mà ở đây kêu là ngọc Long Toại.**

Huyền sử nói là thứ ngọc châu từ thuở Trời Đất mới khai tích đã có một cặp Trống Mái từ đời Hoàng Đế trải đến đời Ân làm của thế bảo, cho đến lúc nhà Ân sang xâm lăng đất Việt

bị Thánh Gióng đánh tơi bời bỏ thân và ngọc lại bên đất Việt. Vậy ngọc Long Toại là chi? Thưa chính là đạo Dịch của Trời Đất cũng như đạo Dịch của Phục Hy mà vua nhà Ân học được, nhưng chưa trút hết máu Du mục nên còn ham đi chinh phục, thành thử phải chết và ôm ngọc đó trả lại cho chủ cũ có họ Ròng (Long Toại là hạt ngọc có đóng con chấm của chủ là Tiên Ròng nằm trong chữ Long Toại đó. Toại có nghĩa là làm ra lửa, hàm ngụ trong chữ Viêm Việt, nhận Hoả đức làm nền). Vì vậy mà Huyền sử nói vua Ân chết chôn ở đất Việt, còn Kinh Dịch nhà Ân gọi là **Dịch Quy tàng**, tức Dịch ẩn tàng trong đất, **liên hệ với ngọc Long Toại bị chôn.**

Nhưng vì **Long Toại bị chôn nên chính chủ là Việt tộc cũng chẳng còn biết đâu mà lần**, hoá nên truyền kết bằng một câu rất bí ẩn là “ **giếng bị bỏ dơ**”, tức không ai còn biết mức nước cam tuyền từ giếng Việt nữa (Việt tính cương) nghĩa là không ai thấy cái Tượng hay nền móng của **Kinh Dịch là nền Minh triết có nét lưỡng hợp** nữa, thành ra phải đi ăn nhờ của Hình hiện của người là 64 que dùng vào việc bói toán vậy thôi.

8.- Kết luận

Việt Nho muốn điều chỉnh lại một số điểm thuộc lịch sử của cả Tàu lẫn Việt, do cả người Tàu lẫn người Việt, đồng thời thức tỉnh học giả Việt muốn biết Văn hoá dân tộc một cách đích thực thì phải ngoi ngược về quá khứ rất xa xưa, chữ Nho gọi là Tổ nguyên. Và đây là tên sách đã khai mạc thuyết Việt Nho với cái tựa đề mập mờ thấp thoáng” **Việt Lý Tổ Nguyên** ” để vẽ lại hình ảnh lung linh về nguồn gốc Văn hoá Việt tộc cũng như về nguồn gốc Nho.

a.- Việt Nho: nguồn gốc đích xác của Văn hoá Dân tộc

Chính vì thế mà chúng tôi đưa ra danh xưng mới, vừa để chỉ rõ cái nguồn gốc đích xác của Văn hoá Dân tộc, vừa để gột rửa Nho giáo, một nền Nhân bản trung thực, nhưng đã bị xuyên tạc đến độ lu mờ, nhờ vậy chúng tôi nghĩ là đã khám phá ra một nền Triết lý hợp cảm quan thời đại về hình thức lẫn nội dung. Về hình thức là dùng rất nhiều Huyền số, **Huyền thoại cũng như Nghi lễ Thối tục.**

Đó là nền Triết lý đang được thế giới mong cầu đến độ triết gia người Đức ông Ernest Cassirer đã muốn định nghĩa là **con vật có khả năng biểu tượng** (symbolicum). Điều này được quảng diễn khá đầy đủ trong quyển Philosophy in a new key (A study in the symbolism of reason, rite and art của Suzanne K. Langer , Havard university press 1942). Đó là một sự phản đối lại nền triết học cổ điển Tây phương quá khô khan trừu tượng, nên phải **mở một hướng mới cho Triết xuyên qua nghệ thuật và biểu tượng.** Trong chiều hướng đó Việt Nho sẽ là tay quán quân phong phú vì cái rùng Huyền thoại mênh mông của Việt lẫn Nho, tha hồ khai thác .

b.- Nội dung: Triết lý gắn liền với đời Sống

Về Nội dung, người ta mong cầu một nền Triết lý gắn liền với cuộc sống, với tác hành, và hơn nữa một nền cho Triết lý cho thế giới để tam theo nghĩa không Cộng sản cũng không Tư bản, nhưng một nền Triết Nhân bản có tính chất phổ biến bao la.

Cho tới nay biết bao thử thách đã được hiện thực nhưng có thể nói chung là chỉ đạt được những thành quả vụn mảnh phần mớ, ngoài ra chưa thấy xuất hiện được một nền Triết nào có tính cách bao quát được như lòng mong cầu kia . Vậy đó là việc mà Việt Nho đã cố gắng đi theo từ hơn hai mươi năm. Thế giới con người không có cái gì tuyệt đối và hoàn bị, mà chỉ có cái tương đối cao thấp khác nhau.

Trong cái thang giá trị đó, Việt Nho hẳn phải có một chỗ đứng, cũng như có khả năng đặt tận cùng cho một sự tủi hổ của người Việt tới nay khi phải tiếp xúc với các nền Văn hoá

thế giới, là Việt không có nền Triết lý nào cả. Từ nay bắt đầu trám lỗ hổng đó và sẽ tiếp tục trám mãi trong các thế hệ nối tiếp. “

B.- BẢN CHẤT TRIẾT VIỆT

(Pho tượng đẹp nhất của Việt tộc: Nội dung: Mục 4. Kim Định)

“ Để nói Việt với Nho cho thành Việt Nho thì cần một điểm móc nối rất đích đáng có thể gọi là phương trình : **Việt = Nho** hoặc **Nho = Việt**. Nói khác đi cần phải biết **bản chất Việt là gì, bản chất Nho ra sao mới nói được**. Ta hãy bàn về **bản chất Việt**:

I.- Họ Mẹ Tiên

Nói đến bản chất là nói đến cái **Tượng vòng trong** hay là đức tính trời vượt, mà không nói tới vòng ngoài như chủng tộc, đất đai. Như vậy là có nghĩa trong cụ thể phải vượt sử địa để đi vào miền sử mệnh của **Huyền sử với các di vật khảo cổ** làm điểm tựa, thí dụ nếu hỏi đức tính Việt là chi, ta có thể căn cứ trên các sách **Kinh Hùng, Sơn Hải Kinh với các Huyền thoại cổ xưa** đã biến thể và hiện còn nằm rải rác đó đây. Còn **khảo cổ** thì như **Trống Đồng, các đồ gốm ở Đông Sơn, Ngưỡng Thiều, Long Sơn, Hang Thần ở Miến Điện, Non Nok Tha ở Bắc Thái Lào. . . căn cứ trên những tài liệu như thế để tìm ra bản chất người Việt lúc chưa chịu ảnh hưởng Tàu** . Vậy xin hỏi bản chất đó là gì ? Từ xa xưa cho tới tận nay người Việt nào cũng xưng mình là con cháu của **Mẹ Tiên / Cha Rồng**. Nói thế vì quen miệng cũng có, vì tin tưởng là thật cũng có, mà để chế nhạo cũng có. Ai trong ba loại ấy là đúng? Thừa chẳng ai đúng hết, tuy rằng những người tin tưởng là có thực bớt sai hơn nhưng chưa đúng hẳn.

Muốn **đúng sự thực phải đi theo lối Cơ cấu**, tức là so đo với bao chuyện cổ khác, của các chi tộc khác trong Bách Việt, và trước hết là xem vào khảo cổ mà **Trống Đồng Ngọc Lũ** là một lâu đài rực rỡ. Vậy xin hỏi trong **Trống Đồng có dấu vết chi về Tiên Rồng** chẳng. Và lúc ấy chúng ta mới kinh ngạc mà nhận ra rằng toàn diện Trống Đồng chỉ nói lên nguyên có chuyện Tiên Rồng mà thôi. **Cái mặt nói truyện Tiên, cái tang nói truyện Rồng**.

Tuy nhiên vì lối nói quặt quẹo đó là lấy Chim thay cho Tiên, muốn vẽ Tiên thì người xưa vẽ Chim. Người nào tu **đắc đạo thành tiên** thì **huyền thoại nói là hoá ra con Bạch Hạc**, có khi nói vắn tắt là **mọc cánh Chim**: “ **vũ hoá** ” và nhiều hình Tiên tìm được trong di tích cổ đều là **người có đeo lông Chim**. Theo đó, thì những người mang lông Chim đang múa trên Trống Đồng có thể gọi là Tiên theo nghĩa rộng. Tại sao lại như vậy?

Thưa vì **Việt tộc nhận Chim làm vật biểu**. Nói **vật biểu** (heraldic animal) mà **không nói vật Tổ** (totem), vì vật Tổ là của riêng một bộ lạc, còn Bách Việt gồm nhiều bộ tộc, mỗi bộ tộc gồm hàng trăm bộ lạc. Học giả ngày nay dùng chữ liên bang các dân để chỉ Cửu Lê và Tam Miêu, một danh xưng xưa nhất của Bách Việt (confraternities of people , Needham II , 117).

Nói vật biểu thì phải hiểu là Bách Việt, ít ra những chi tiến bộ nhất đã vượt qua giai đoạn vật Tổ để lên đọt trên. Đọt trên đó có thể là **ý hệ**, có thể là **tâm linh**. Ý hệ thì như các dân tộc Tây Âu từ bỏ dứt khoát thần thoại (hơn kém cùng bản chất với đọt vật tổ) để bước lên đọt lý trí suy luận khách quan, nhưng vì **Lý trí độc tôn độc ra Duy Lý**, nên ý hướng là ý thức hệ lại độc ra ý hệ, tức là tư tưởng bí kín, độc chiếm, thí dụ **Mác Xít không là ý thức hệ, mà là một ý hệ**.

Việt tộc trái lại đã vượt cả giai đoạn Lý trí để lên đọt Tâm linh, nên không mắc kẹt lại ở Ý hệ mà vươn lên đọt Nhân chủ. Đó là lối tiến hoá (evolution) nhẹ nhàng không đoạn giao với giai đoạn trước, dấu hiệu cụ thể đã lên Tiên mà vẫn giữ Chim, còn Tiên là tiếng rất hàm hồ vừa là Tiên vừa là Tiên (trước) nên quen gọi là Tiên hiền, Tiên thánh, Tiên nhân , Tiên nhân. Vì thế có thể vẽ lại đường tiến hoá như sau: **Chim → Tiên = Tiên nhân = Tiên nhân = Tiên hiền = Tiên thánh**. Nói khác đi **Tiên cũng là Người, nhưng là người đã đạt Nhân, đã đạt Nhân chủ**,

nói đơn sơ là **người khôn ngoan, hiền triết, thánh nhân** mà ta có thể biểu thị bằng vật bay cao là chim. Do đó trong truyện cổ hễ thấy Chim thì cũng hiểu là Tiên, Tiên nhân, Tiên nhân. Các nghi mầu ta mang tên chim là do vậy: **Âu Cơ là con Hải âu, Vụ Tiên là Ngỗng hay Vịt trời, Lộ là Cò trắng, Lạc cũng như Việt đều là Chim, và nổi hơn hết là chim Trĩ là lông chim Trĩ của Lạc Việt.** Đó là **lông ngũ sắc** mà Tổ tiên xưa quen mang trong mình mỗi khi ca vũ. Phụ nữ Việt xưa quen mặc áo vẽ hình chim Trĩ, hoặc mang đồ trang sức bằng lông ngỗng là tục phổ thông. **Mẹ Âu Cơ còn đi xa hơn nữa khi đẻ con theo lối Chim** (tục điệu) là thể hiện Văn hoá Chim đến cùng cực. Tạc tượng có ngón chân xoè ra như chân Chim là để nói lên sự giống Chim từ đầu đến chân. **Nên nhớ 4 chân con Rồng là 4 chân Chim Phượng Hoàng thường được vẽ như Chim Trĩ** (đã bàn trong Triết lý cái Đình , tr. 174)

Nhờ Cơ cầu để móc nối Tiên với Chim rồi, bây giờ hãy xem vào mặt **Trống Đồng Ngọc Lũ** mới kinh ngạc nhận ra không những cả Tiên lẫn Rồng, mà còn hơn thế nữa là cả hai đang trong thế giao thoa thâm sâu và chói chang hơn hết: đó là Chim đang lao đầu vào miệng Rồng đã ngửa mặt sẵn sàng đón nhận cái hôn của Tiên.

Đó là cái hôn Giao chỉ của mẹ Tiên đến với cha Rồng.

Cụ thể là những người đội lông chim đang đứng trên thuyền Rồng.

Đội lông Chim là giòng máu Mẹ, Mẹ Tiên.

Đứng trên thuyền Rồng là giòng máu Cha, Cha Rồng.

Tất cả hiện đang sống đúng “ điệu tục ” tức là ca múa.

Chim thì hát, người thì hát. Hát mà chưa thoả hết tâm tình thì phải múa, múa điệu múa đầy hoạt lực nhất thì phải gồm miệng ca, chân nhún nhảy, tay vung xoè. Các luồng cảm hứng sơ nguyên tạo nên những bức tranh Rồng bay Phượng múa đều phát xuất từ hai chữ Tiên Rồng này đây.

Thế là ta nắm được bản chất Việt hiện hình ra trong hai chữ **Tiên Rồng ở Huyền sử**, nay lại được kiện chứng bằng **nghệ thuật khảo cổ**.

Bản chất Văn hoá hay đức tính căn bản nằm trong cặp đôi nọ. Đó là nét đặc trưng của miền Đông Á mà Việt Nam là ngã ba hội tụ, nên ở Việt Nam cặp đôi nọ xuất hiện cách rất thi vị và nhân chủ dưới hai chữ Tiên Rồng.

Tiên hay Chim đều nói lên đức tính siêu việt, còn Rồng nói lên sự biến hoá phi thường. Đó cũng là câu định nghĩa của con người Đại Ngã của Việt Nho là “ Nhân giả, kỳ Thiên Địa chi đức ”, còn ở đây nói cách thi vị là Tiên Rồng. Đó là nét “ Song trùng sơ thủy ” sẽ đẻ ra các đức tính khác rất nhiều nhưng quy vào một môi lưỡng hợp tính để diễn tả đức tính uyển chuyển lưỡng thể là đức tính căn bản, mà hễ nền Văn hoá nào thiếu nó thì sẽ nghiêng ngã trước khi gieo vô vàn tai hoạ như Duy vật là thí dụ.

Thế là ta đã nắm được đức tính dân tộc rồi đó, cả trong Hình trong Tượng lẫn trong Bản chất sâu xa.

Bây giờ ta dùng nó làm đuốc soi vào nhiều **Truyện cổ** sẽ lặn ra ý nghĩa ở những chỗ mà cho tới nay không ai hiểu được, thí dụ **tại sao mẹ Âu Cơ dẫn con lên núi** ? Thưa vì núi là nơi ở của Tiên, của chim. **Tại sao lại ở Bạch Hạc** thì xin hiểu theo liên hệ “ **Vũ hoá** ” nói trên; **tu Tiên đắc đạo hoá ra chim Hạc trắng**, nên Bạch Hạc là cứu cánh. Tại sao sách Sơn Hải Kinh nói dân nước Kinh (Kinh Việt) có chân chim là do vậy. Tại sao lại nói ông **Cao Dao Bá Ích có họ Việt** ? Thưa vì ông Cao Dao có mỏ chim, còn ông **Bá Ích được mẹ sinh ra kiểu điệu tục** (D 372). Tại sao có thành ngữ “ **Việt điệu** ”, tại sao Việt Nho có câu ngôn ngữ : “ **Tuỳ dương Việt Trĩ** ” (con Trĩ của Việt tộc theo hướng mặt trời) cũng là đó.

Thế là ta biết Chim là giòng máu Việt. Hễ đâu có Chim là thuộc Văn hoá Việt tộc dù sách có nói là của nhà Hán hay nhà Chu cũng biết vậy. Cần thử máu mới biết đích xác mới biết của Việt hay của Tàu, và lúc ấy sẽ thấy dễ dàng chỗ xuyên tạc, vì Tàu khởi đầu không có chi, trừ chim Cú được kính trọng lắm, người ta ngỡ là vật tổ của Hoàng Đế và còn truyền đến nhà Thương, nhưng về sau thì bị khinh rẻ và ai bị chửi là chim Cú (Kiêu Dương) thì cảm thấy bị nhục không thể tả. Vì cuối cùng Cú bị mang tiếng như loại chim có tên là Phá Kinh cũng giống Cú, cả hai có tội quay lại ăn thịt bố mẹ. Từ địa vị Vật tổ mà bị trệt xuống đó hẳn là phải có căn nguyên, và căn nguyên đó nằm trong cái toàn thể là “ Văn hoá Hiên Viên Đế ” thuộc Du mục đã thua Văn hoá Nông nghiệp Việt tộc.

Chim của Việt tộc nếu không là Thiên Địch tức là “ chim mặt Trời ”, loại “ tuý dương Việt trí ” thì loại chim nước nổi lên nét song trùng: bay lên trời mà vẫn có thể ăn dưới nước nên có thể giao chỉ với Rồng cách thâm tình nhất. Đàng này chim của Hoàng Đế thuộc loại duy dương (cú ngày tinh đêm) chẳng có nét song trùng chi hết, nên bị giết bằng tên cong ở trực chí. Đó là nói kiểu Huyền sử: tên cong là của Việt tộc, còn trực Chí (Hạ chí, Đông chí) thường chỉ bái vật hay ý hệ thiên về một bên, không phải trực Phân (Xuân phân, Thu phân) chỉ nét thiên quân của con người Đại ngã với ngầm ý là triết lý trực vật Du mục của Hoàng Đế bị loại trừ do triết lý Nhân chủ của nông nghiệp. Nông nghiệp lúc ấy kêu là họ Hữu Miêu (nghĩa đen là người có ruộng nước) tức cũng là Tam Miêu cùng “ họ máu ” hàng dọc với Việt tộc vì cùng sinh ra bởi Tiên Rồng. Điều này không được nhận ra vì sách nói sinh ra bởi ông Quỷ Và bà Huyền Thê. Thế nhưng đọc theo lối cơ cấu sẽ nhận ra Huyền Thê cùng họ Huyền với Huyền điều, với bà “ Cửu Thiên Huyền Nữ ” tức là Tiên đó. Còn Quỷ cũng là Rồng đang trong quá trình biến thể, nên có đầu người mà mình lại là mình rắn. Họ hàng thực xa mà hoá ra gần là vậy. Tam Miêu cũng có tên là Cửu Lê vì căn số hai của cửu (9) là tam (ba) . Tam Miêu và Cửu Lê ăn với nhau theo số cơ cấu là thế. Nhà lãnh đạo của Tam Miêu là Si Vuu, sau này bị Tàu khinh rẻ, y như khinh rẻ Man Di, nhưng ban đầu Si Vuu là thủ lĩnh rất nổi tiếng, nên chữ Vuu cũng có nghĩa là người đệ nhất phi thường (le premier extraordinaire) vì thế đáng mặt làm thầy của Hoàng Đế và Hoàng Đê là sinh viên du học tiên khởi đến học trường Si Vuu, mà khóa trình là Thiên đạo. (Tích nhật Hoàng Đế đắc Si Vuu nhi minh ư Thiên đạo), ngày xưa Hoàng Đế học với Si Vuu thì sáng trí ra về đạo Trời. Nói thế có nghĩa là trước khi gặp được Si Vuu thì Hoàng Đế hoàn toàn Duy vật, có tiến lắm cũng quanh quẩn ở đọt Bái vật, Pháp môn, mãi sau tiếp xúc với Si Vuu mới thâm nhập thêm “ nhiều sáng khôn ” trong đó đáng kể nhất là sáng mắt ra về Thiên Đạo **Thế là bàn xong về họ Mẹ.**

II.- Họ Cha Rồng

Bây giờ bàn thêm ít lời về họ Cha là Rồng. Rồng có hai loại: loại miền Nam là Giao long (thường luồng) có 4 chân, con loại không chân kêu là Xà long thuộc Việt miền Bắc từ Sơn Đông toả xuống Sở Ngô Việt (cả 3 nước này hồi xưa có một thời gọi là Kinh và Dương) về sau cộng cả Thường luồng lại với Rắn để làm nên Rồng, nên Rồng vừa có mình dài như rắn, vừa có 4 chân của thường luồng nhưng móng là móng của phượng hoàng.

Còn một loại Rồng nữa ở biển gọi là Ly. Loại ở đầm hồ và sông gọi là Quỷ. Loại này hòa hợp với chim quá nhiều hoá ra văn Quỷ long, một hợp loại chim Rồng, nhưng Chim nổi hơn nhiều . Còn một loại chim rồng nữa gọi là Phi Liên cũng thuộc loại chim Rồng giao thoa nên có chỗ kêu là Long Tróc (rồng có mỏ chim sẻ). Hình dáng và tên gọi thì nhiều nhưng tất cả đều thuộc Tiên Rồng, tên gọi và thể thái khác nhau là do địa vực rất rộng, với thời gian lâu hàng nhiều chục ngàn năm không thể nào quy định được niên đại và bờ cõi, chỉ biết là của Việt tộc nên câu “ nhất điều nhì xà ” phải hiểu theo đồng văn lớn này.

Tục quen nói “ **nhất điều nhì ngư** ” chưa biết căn cứ vào đâu, không thể căn cứ vào cá Côn, chim Bằng trong sách Trang Tử vì đó hoàn toàn là dụ ngôn, cả cá lẫn chim đều dài mấy ngàn dặm. **Ngư là thứ hoa văn nhà Hán** dùng rất nhiều vì một thời cá là vật **Tổ** của Tàu, rõ nhất là đời nhà Tần.

Tàu mới có Rồng từ nhà Hán, có lẽ từ đó có câu “ Cá hoá long ”, cá có học với Si Vưu đẻ ra Long, nhưng xem ra không đủ điều, nên hoá lưng chừng không ra Rồng mà chỉ đủ vây cánh để chờ Táo Quân vào cuối năm, còn quanh năm thất nghiệp.

Nói tóm lại khởi nguyên Tàu không có Rồng, nhưng vụ sách nói có Rồng chỉ là nguy tao từ đời Hán, mà nhiều vụ không ôn rõ ràng.

Hoàng Đế bắt Rồng quỳ lột da bung trống, lột tí da thì ăn nhằm chi, còn **trống bịt da mà bung cả hai đầu là kín** chứ có trống đâu. Vì thế trống đó gọi là cái Cao để nằm ngang và chỉ dùng cho việc kiện tụng hoặc đánh trận. Khác hẳn **trống Lạc Việt để trống một đầu**, đặt dựng đứng để biểu thị đức trung ương tổng quát. Nhà Chu dùng khẩu hiệu quân sự là “ hùm, beo, sói, rồng ”. Có một rồng giữa 3 con kia toàn du mục, tức mới học được ¼ bài học nông nghiệp về Tiên Rồng. **Vậy toàn thể Rồng xưa kia là của Việt tức là toàn cõi nước Tàu.**

Việt tộc có rất nhiều tên như Cửu Lê, Tam Miêu, Di, Tứ Di, Cửu Di, Nhung, Địch, Man, Di, Bách Việt và bao nhiêu chi tộc khác nhau với những nền nghệ thuật khác nhau. Nhưng đứng về triết học Văn hoá tổng quát thì có thể quy về một nền Văn hoá Nông nghiệp và do đó trong nhiều tên chi Việt Tộc, tôi gọi tên là Bách Việt, vì xét về cơ cấu thì không số nào lớn hơn số trăm (100 : Bách Việt).

Còn chữ Việt cổ (粵) viết với bộ mễ nói lên nền Nông nghiệp lúa Mễ, (米) nên bao trùm được cả Tam Miêu (苗 : miêu là mạ), còn tên Di theo tự dạng là người có nỏ, mà nỏ là môn sở trường của Lạc Việt (nhớ truyện cái nỏ của thần Kim Quy), và cũng hay đi liền với Việt gọi là Di Việt, cũng như Man thành Man Di : tất cả đều tham dự vào nét chung như “ **Cắt tóc, xâm mình, tả nhậm nhất là hoá trang chim khi múa.** Những nét đó là dấu bên ngoài của đại chủng Việt mà ban đầu đã cư ngụ khắp cõi nước Tàu, sau rồi dân tộc Tàu cũng là một hai chi tộc trong đại khối Việt nhờ một hai thuận lợi mà nổi lên và dần dần Tàu hội nhập và hoàn chỉnh Văn hoá Chim Rồng, rồi đẩy Việt ra tứ phía gọi là tứ hải. Nhưng “ **tứ hải giai huynh đệ** ” tức cùng một gia đình Văn hoá, nên đều là anh em cùng giòng máu huynh đệ là Tiên Rồng.

III.- Tàu đuổi Việt ra bốn bên: Tứ Di

Sau đây xin phác lại lại những đợt Tàu đẩy Việt tộc ra ngoài bốn bên :

a .- Đợt đầu Hoàng Đế chiến Si Vưu.

b.- Ông Vũ tiến xuống mạn Nam

Ông Vũ tiến xuống miền Nam sông Hoàng Hà lập ra nhà Hạ giữa đất đai cũng như văn hoá Việt .

c.- Nhà Thương tiến chiếm Di Việt

Bao gồm Sơn Đông, Hà Nam, Hồ Bắc, Giang Tô, Chiết Giang v . v . .

d.- Đồi Chiến Quốc nhà Tần nuốt Sở, Ngô, Việt.

e.- Đợt năm là cuộc chiến Nam Chiếu, Dạ Lang, nước Điền.

g.-Cuối cùng chiếm cả Lạc Việt

Gồm hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, trước kêu là Lương Việt, nay đổi ra Lương Quảng .

Về đàng khảo cổ, ta có thể lấy Ngưỡng Thiều làm như **ngành Tiên**, từ tỉnh Thiểm Tây đổ xuống Thái Bình Dương gồm những chi Chàm, Indônê, Mã Lai, Thái, Miến, Assam, các nhà khảo cổ chỉ bằng rìu chữ nhật.

Ngành Rồng chỉ bằng rìu có vai tạm lấy Long Sơn làm điểm khởi kéo xuống qua Ngô, Việt, Quảng Đông và Việt Nam (1).

Cả hai dòng Văn hoá Tiên Rồng đó hội tụ lại nơi Việt Nam vì thế Việt Nam được gọi là một nước hợp chủng (hiện nay có gần 60 sắc dân thiểu số (có thể coi như đại diện cho những người đã bị đuổi ra khỏi địa bàn Tổ của mình và trở nên những di dân đời đời đại diện cho tứ hải, tứ Di, Bách Việt.

Nói là đại diện vì phần lớn ở lại đất cũ và bị đồng hoá để trở nên Tàu. thí dụ rõ nhất vì muộn nhất là Tần, Sở, Ngô, Việt. Họ đã trở nên Tàu đến độ vài ngàn năm sau không ai dám gọi họ là Việt hay đúng hơn là Tàu gốc Việt, chỉ đến nay khi ta đi theo lối cơ Cấu và đo máu Văn hoá mới nhận ra họ hàng Văn hoá thực rõ ràng.

(1) .- *Chỗ này viết theo cuốn The making of South East Asia của ông Coedes, được dịch sang tiếng Anh do ông H. M. Wright Berkeley and L. A 1966.*

Đó là mấy sự kiện thuộc lịch sử nhưng đã bị quên nên cần ôn lại dưới ánh sáng của những cuộc nghiên cứu mới ngày nay.

Theo đó nước Tàu mới ra khỏi trạng thái bộ lạc từ nhà Thương và nhà Thương rất nhỏ. **Mãi cho tới Tần Hán mới chính là hình ảnh Tàu như nay do nuốt được Sở, tức cũng là nuốt được Ngô Việt, cả ba là do Đông Di miền sông Hoài và mạn Nam miền đồng bằng Dương Tử.**

Hầu hết học giả phải nhận Sở là khu nũ (The world axis) là cuống họng (The throat of the world) của Tàu. Vậy mà **đó chính là địa bàn tổ của Man Di tức Bách Việt.** Khi nói là thủ chỉ và là đại diện cuối cùng của nền Văn hoá Tiên Rồng là nói theo toàn bích siêu hình, nhưng cũng có thể thật cho tới hai ngành chủng tộc:

Một Tiên từ phía Ngưỡng Thiều (Thiểm Tây), một Rồng từ Long Sơn (Thái Sơn), cả hai đổ xuống gặp nhau nơi Việt Nam.

Theo đó thì ngoài Việt Nam không còn chi nào nữa, vì hầu hết đã bị đồng hoá, còn lại thì không đủ điều kiện, **Hàn, Nhật thì xem ra có Rồng mà không có Tiên** và dầu sao thì cũng quá cô lập vì đã bật ra ngoài những dòng sông của địa bàn Tổ, không tiện lãnh đạo. **Các nước miền Tiên thì đã bị hút quá mạnh vào quỹ đạo của Ấn Độ là loại có cơ cấu Du mục nên bề quặt Văn hoá Tiên Rồng.**

Còn lại có Việt Nam tuy chịu ảnh hưởng của Tàu, nhưng Tàu đã hội nhập của Việt trước, nên tuy dạng thức Văn hoá có biến đổi nhưng bản chất không bị bề quặt nhiều, mà chính ra là giúp Việt đi hết đường công thức hoá nền Văn hoá chung mà **trước kia Việt là chủ, Tàu là khách,** nhưng khi xét toàn bộ thì phải nói Việt Nam là bộ tộc duy nhất trong Bách Việt có khả năng cũng như sứ mạng trùng tu lại nền Văn hoá cao cả nọ. Bàn về con chám

chủ quyền có khắc hai chữ Tiên Rồng như vậy kể là tạm xong, chúng ta sẽ dùng con chấm đó đi nhận diện những di sản nào là của nhà, nhưng trước hết chúng ta cần phải xem về nguồn gốc Nho là chi mà lại nói đồng bản tính với Việt trong thành ngữ Việt Nho.”
 Nguồn gốc Việt Dịch được kết tinh từ hai Huyền thoại:

C.- NGUỒN GỐC CỦA VIỆT DỊCH

Qua hai Huyền thoại trên chúng ta có thể nhận ra nền tảng của Dịch Việt trong hai Huyền thoại:

1.- Viên Ngọc Long Toại với cặp Trống / Mái trong Truyện Việt Tĩnh .

2, Truyện Tiên / Rồng cũng là cặp Vợ / Chồng.

Trong ngôn ngữ Việt thì còn có vô số tiếng nói nhịp đôi hay nét “ Gấp đôi Song trùng lưỡng hợp “ như Trời / Đất, Núi / Sông, Ông Đùng / Bà Đà, Ông Cò / Bà Cộc , Bà Nữ Oa / Ông Tứ Tượng, Vợ /Chồng, Đực / Cái, Trống /Mái, Nhụy Cái /nhụy Đực, Ăn /Nói, Đi / Đứng, Học / Hành. . Đây là nét Gấp đôi (two foldness) , nét đặc trưng của Văn Hóa Việt .

Đó là những cặp đối cực mang tính chất Lưỡng hợp hay Lưỡng nhất tương tự như Thái cực Âm / Dương Hòa . Âm / Dương hòa là Lưỡng cực nhất nguyên.

Có một số vị viết về Dịch cho cặp đối cực Dịch là Nhị nguyên đối kháng thuộc Mâu thuẫn thống nhất thuộc Triết lý Triệt Tam (Tiers exclu, non contradiction) của Tây phương (nhất là CS)!, đây là sự nhầm lẫn giữa Lưỡng cực Nhất nguyên (A/ B : Dual unit: 2 →1) với Nhị nguyên (A ≠ B).

Những cặp đối cực rất phổ biến và được Nho tổng quát thành cặp Âm / Dương .Khi Âm / Dương lưỡng nhất (Dual unit: 2 →1) thì đạt trạng thái Âm / Dương Hòa.

Những bảo chứng trên chứng tỏ Kinh Dịch đã được Tổ Tiên Việt kết tinh từ thuở xa xưa, Việt Dịch tuy chưa được viết thành Kinh điển nhưng đã được hiện thực trong nhiều lãnh vực của cuộc sống dân Việt ,

I.- Nguồn Gốc của Dịch Việt và Dịch Tàu

Dịch Việt được kết tinh từ Viên Ngọc Long Toại, Theo T. G. Kim Định thì Vật biểu kép Tiên Rồng của Việt Nam đã được thai nghén từ nền Văn Hóa Hòa bình cách nay từ 12 ngàn năm tới 30 ngàn năm, vết tích được tìm thấy nơi _Thao thiết Văn Quy Long (Đồ cổ đời nhà Thương)



Hình Thao thiết đã biến ra Rồng. Hình Văn Quy Long biến ra từ Thao thiết Rồng Tiên (Chim)

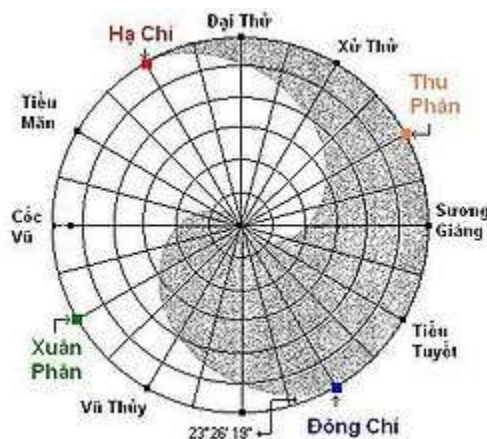
Tàu có vật **Tổ đơn** là **chim Cú** đời Hiên Viên Hoàng Đế, tới **Bạch mã** đời nhà Thương rồi nhận vật biểu **Rồng của Việt** vào đời nhà Hán. Lại nữa, **Rồng “ Cô Dương bất sinh ”, nên làm gì mà có Dịch**, tuy nhiên Tàu vẫn có Dịch với 64 Quẻ để bói phê rất đồ sộ!

Dịch có 4 mục tiêu:

- 1.- « Là **Ngôn từ** để dạy **Minh Triết**
- 2.- Là **Linh động** để dạy biết **Tiến hoá**
- 3.- Là **Tượng** để dạy cách **chế Khí cụ**
- 4.- Là **Bốc phê** để **Chiêm nghiệm** từng trường hợp «

Dịch 64 Quẻ đồ sộ của Tàu chỉ có mục tiêu cuối cùng là **Bốc phê (Bói toán)**, còn Việt Nam từ xưa chưa dám nhận mình là có Dịch, nhưng theo sự khai quật của T. G. Kim Định thì Việt Nam không những có Dịch mà Dịch còn mang nặng mục tiêu quan trọng nhất là **Minh Triết**.

Hình Thái cực



“ Có giả thuyết cho rằng hình ảnh của Thái Cực đồ được tạo lập từ quan sát thiên văn thông qua đo bóng nắng mặt trời. Khi cắm một chiếc que thẳng trên mặt đất và đánh dấu tất cả khu vực mà bóng của que quét trong một năm, sẽ có một đồ hình Thái Cực đồ . (Từ internet) “.

Chúng ta có thể kiểm chứng sự xác thực của hình trên qua thời tiết qua 24 Tiết của một Năm và thời Tiết của các mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông

Hình trên được chia ra làm 24 phần gồm 360 độ, mỗi phần có 15 độ, mỗi phần được gọi là một Tiết 15 ngày, như vậy một năm có 24 Tiết, khi qua một Tiết hay qua một mùa 3 tháng thì khí hậu thay đổi rõ ràng.

Có ý kiến cho rằng Thái Cực đồ của Đạo gia cũng như đồ hình chữ Vạn của Phật gia là có chung một nguồn gốc. Đó chính là các biểu tượng của các dạng Thiên Hà khác nhau trong vũ trụ.

II.- Tính chất của Âm / Dương

Âm Dương đối lập: Cặp đối cực (opposite term)

Khi quan sát các hiện tượng, luôn thấy từng cặp đối nghịch nhưng gắn bó nhau : Sáng / Tối - Động / Tĩnh... **Tuy đối nghịch nhưng luôn gắn bó nhau, do đó, đây chỉ là 2 mặt của 1 quá trình thống nhất.**

Người xưa đã biểu thị quan niệm trên bằng đồ hình **Thái Cực** : Một Âm (màu đen) và 1 Dương (màu đỏ hoặc trắng) trong 1 vòng tròn không bao giờ tách rời nhau. Thiếu 1 trong 2 yếu tố Âm Dương, không thể hình thành sự vật.

Thí dụ : Vấn đề dinh dưỡng trong cơ thể.

Cơ thể cần dinh dưỡng (Âm) và hoạt động (Dương). Muốn có chất dinh dưỡng (Âm), cần tiêu hao 1 số năng lượng (Dương). Ngược lại, để có năng lượng cung cấp cho hoạt động (Dương) cần tiêu hao 1 số chất dinh dưỡng (Âm)...

Trong Âm có Dương, trong Dương có Âm



Hình Thái cực với Thái Âm (màu đen) và Thái Dương (màu trắng)

Thái Âm màu đen có **Thiếu Dương** màu trắng: **Âm trung hữu dương căn**: “ The principle masculine within the Woman. Carl Jung: Deep psychology)

Thái Dương màu trắng có **Thiếu Âm** màu đen: **Dương trung hữu Âm căn**: “The principle feminine within the Man. Carl Jung)

” Đào sâu vào từng hiện tượng, từng vật, người ta thấy : Mỗi mặt Âm hay Dương lại có mặt đối lập ở trong, người xưa gọi là **trong Âm có Dương và trong Dương có Âm.**

Nhờ vậy, vũ trụ chia nhỏ dần thành 1 chuỗi 2 mặt Âm Dương vô cùng tận.

Có thể lấy thời gian 1 ngày 1 đêm làm thí dụ :

- Thiên "Kim Quy Chân Ngôn Luận" ghi : "Bình đán chi Nhật trung, Dương trung chi Dương giả, Nhật trung chi hoàng hôn, Thiên chi Dương, Dương trung chi Âm giả, Hợp dạ chí kê minh, Thiên chi Âm, Âm trung chi Dương giả, Kê minh chi bình Đán, Thiên chi Âm, Âm trung chi Dương giả" (: Từ sáng sớm đến giữa trưa là Dương trong ngày, Dương trong Dương, từ giữa Trưa đến sẩm Tối, là Dương trong ngày, Âm trong Dương; từ chập Tối đến gà Gáy là Âm trong ngày. Âm trong Âm, từ gà Gáy đến Sáng sớm là Âm trong ngày, Âm trong Dương) (T. Vấn 4)” (Nguồn internet)

III.- Âm / Dương Hòa

Nho bảo : Khi Cặp đối cực “**Âm / Dương** “ **trương thôi** “ với nhau để đạt trạng thái Âm Dương Hòa. Trương thôi nghĩa là cùng nhau thúc đẩy, chống đối nhau, lựa chọn, nhường nhau, tìm tòi (Trương tranh / tương hỗ) để đạt được thoả thuận hài hoà với nhau ở từng thời điểm một, đó là trạng thái Quân bình động, được gọi là **Âm Dương Hòa**.

Đây cũng là luật **Bù (+) / Trừ (-)**: *Law of Receiving and Giving* .

Theo Nho thì **Âm Dương Hòa** là khi **cặp đối cực được lưỡng nhất** (Dual unit : 2→1)

Lão Tử có nói:

“ **Họa** hệ **Phúc** chi sở ỷ. **Phúc** hệ **Họa** chi sở phục (Lão): **Họa** là nơi **Phúc** cậy dựa . **Phúc** là nơi **Họa** ẩn náu “. **Phúc / Họa** Thiện / Ác, **Phải / Trái** liên kết với nhau như hai mặt của một đồng tiền, nên khi hai bên muốn Hòa giải với nhau thì mỗi bên trước tiên phải có cái Tâm muốn hòa với nhau, phải có nhận thức chỉ có hòa với nhau thì hai bên mới sống yên ổn được, nên đừng quá cố chấp vào lập trường của mình mà phải uyển chuyển **nhường qua nhận lại với nhau theo lẽ Chính trung tức là tinh thần Dân tộc**, hai bên bù trừ **Phúc Họa** cho nhau, với lòng **Bao dung**, hai bên phải vượt lên trên **Phúc Họa** mới mong tìm ra được giải pháp ổn thỏa, nên nhớ rõ điều này khi có nhận rõ phải có cả **Phúc Họa lưỡng nhất**, nghĩa là hai bên đều phải chia sẻ **Phúc Họa** tương đối Công bằng với nhau thì mới hòa được , chứ chỉ có một bên **Phúc** hay **Họa** thì vẫn luôn bị bất Hòa, do đó chúng ta mới hiểu **Âm Dương Hòa** là **Vi Ngôn Đại Nghĩa** và cũng mới hiểu rõ; **Khi làm thương tổn nhau mà Tha thứ cho nhau được là rất khó còn như hành động Bao dung lại khó khăn và cao quý biết dường nào ! Cái Bọc của Tổ Mẫu Âu Cơ là Bọc Vũ trụ, nên có sức Chứa sâu rộng mênh mông!**

Trong chế độ Dân chủ khi có vấn đề bất đồng thì hai bên phải dựa trên tinh thần Hiến pháp mà đối thoại với nhau để tìm ra giải pháp Hòa. Tinh thần Hiến pháp của Việt Nam là **Nhân Nghĩa, Bao dung**, còn tinh thần Hiến pháp Hoa Kỳ là **Bác ái, Công bằng và Tha thứ**.

Do đó mà cuộc hòa giải giữa người Hữu thần và Vô thần thì khó mà thực hiện vì hai bên không có tiêu chuẩn chung để y cứ mà phân giải.

Trên trường Quốc tế khi các nước đối thoại để hòa giải với nhau thì dựa trên những tiêu điểm: **Nhân quyền, Dân chủ và Tự do**.

Cũng do đó mà chúng ta mới nhận rõ Hoà bình thế giới là vấn đề phức tạp và khó khăn dường nào, nhất là khi nhân loại chưa cùng nhau quay về **nguồn Tâm linh** hay cách khác là tìm về **Tiềm thức cộng đồng của Nhân loại** (collective unconsciousness) để thông cảm nhau mà sống chung an bình với nhau.

IV.- Âm Dương biến đổi ngược chiều và tuần hoàn

Nếu ta lấy x là Âm và y là Dương thì **Âm / Dương** = $xy = \text{Âm} \times \text{Dương} = 1 \rightarrow y = 1 / x$

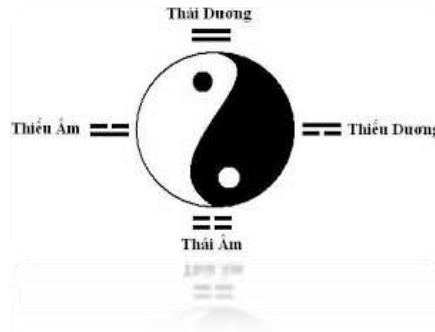
Âm = 1 / Dương (Hàm số ngược Hyperbol : nên **Âm** tăng **Dương** giảm; **Âm** thịnh **Dương** suy và ngược lại .

Nho bảo: “**Vật cùng tắc biến**”, “**Vật cực tắc phản**”, ý nói một vật hoặc một sự việc biến đổi đến điểm cực độ tất sẽ quay trở lại.

Lão tử bảo : “**Phản giả Đạo chi động** “ : *Biến hoá quay ngược lại là cái động của Đạo là luật quan trọng nhất, đây là luật Tuần hoàn, khi hoạt động thì làm tiêu hao năng lượng nên phải quay về nguồn (Tâm linh) để “ sạc “ lại năng lượng . Đây là nguồn của luật Tuần hoàn.*

V.- Tỷ lệ Âm / Dương Hòa

Ta dùng hình Thái Âm và Thái Dương để làm rõ:



Theo Nho thì “**Thể / Dụng nhất nguyên, Hiên / Vi vô gián** “ : *Cái Thể bên Trong và cái Dụng bên Ngoài có cùng một gốc, cái hiện ra và cái bị che khuất không có cách biệt (Nhất nguyên lưỡng cực : bipolar)*

Dụng (bề Ngoài) của **Thái Dương** màu trắng (3), nhưng **Thể** (mặt Trong) của **Thái Dương** là **Thiếu Âm** màu đen (2) .*Nho bảo : Dương trung hữu Âm căn*”: Trong Thái Dương có Gốc Âm, Tây phương bảo: The feminine principle within the Man (Carl Jung)

Dụng của **Thái Âm** màu đen (2), nhưng **Thể** của **Thái Âm** là **Thiếu Dương** màu trắng (3) .*Nho bảo Âm trung hữu Dương căn*: Trong Thái Âm có Gốc Dương, Carl Jung bảo: The masculine principle within the Woman (Carl Jung).

Theo Nho thì “**Thể / Dụng nhất nguyên, Hiên / Vi vô gián** “ : *Cái Thể bên Trong và cái Dụng bên Ngoài có cùng một gốc, cái hiện ra và cái bị che khuất không có cách biệt (Nhất nguyên lưỡng cực : bipolar)*

Theo **Thái Âm** tuy **Dụng** là **Âm** (Đen: 2) nhưng **Thể** là **Dương** (Trắng : 3) .

Còn **Thái Dương** tuy **Dụng** là **Dương** (Trắng: 3) nhưng **Thể** là **Âm** (Đen: 2) .

Theo **Thái Âm** thì **Thể / Dụng** / = **Dương / Âm** = **3 / 2** (**Nguyên lý Mẹ**), **Âm / Dương** = **Tình / Lý** = **3 / 2**. **Trọng Tình hơn Lý**. **Bên Ngoài (xã hội) là Lý** (chiếm 2 phần , Lý : 2), **nhưng Trong (mỗi Cá nhân) là Tình** (Tình chiếm 3 phần) (Nguyễn Du)

Trong Xã hội Việt Nho thuộc Nguyên lý Mẹ thì Con Người trọng Tình hơn Lý

Theo **Thái Dương** thì **Thể / Dụng** = **Âm / Dương** = **2 / 3** (**Nguyên lý Cha**) : **Dương / Âm** = **Lý / Tình** = **3 / 2** .

Khi có câu: “ **Tuy Ngoài** (cách hành xử ngoài Xã hội theo Lý Công bằng : **Dụng: 2**) là **Lý**, **nhưng Trong** (Tâm hồn cá nhân: **Thể : 3**) là **Tình** (Nguyễn Du),

Trong Xã hội Tào theo Nguyên lý Cha thì tỷ lệ Âm / Dương = 2 / 3 → 2 Tình 3 lý, nên trọng Lý hơn Tình, nên hành động dùng bạo lực gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng .

VI.- Giải pháp Hòa theo tinh thần Trung Dung

Theo T.G.Kim Định thì tỷ lệ Hoà giữa Âm Dương phải y cứ theo hai Tiêu chuẩn:

1.- Chấp kỳ lưỡng đoan: (Trung dung. Thiên 6. Câu 4)

Phải giữ lấy hai đầu mối, nghĩa là khi hai bên có điều bất đồng, xích mích, mâu thuẫn với nhau thì tiên quyết là hai bên không phủ nhận nhau, chấp nhận ngồi lại đối thoại với nhau mà tìm giải pháp Công chính mà Hòa giải với nhau.

2.- Doãn chấp quyết Trung (Thư. Đại vũ mô. 15)

*Hai bên bằng lòng cùng nhau tìm cho ra giải pháp “ Công chính “ (theo Tinh thần Dân tộc) làm thoả mãn tình trạng của hai bên gọi là **giải pháp Hòa giải**, nói cụ thể là hai bên phải dựa theo **Tinh thần Dân tộc ”Nhân Nghĩa Bao dung** < con dân nào của nước cũng công nhận và phải noi theo > “ mà tìm ra giải pháp thích hợp cho cả hai bên, bên nào gần với tinh thần đó tức là lẽ Công chính thì có được phần lợi hơn, nhưng không ai thất bại hoàn toàn, vì trong hai bên chẳng ai có được hoàn toàn trong cách hành xử của mình , đó là **giải pháp lưỡng lợi** (win – win solution).*

*Vấn đề đối thoại theo cách này có hai cái khó: Mỗi người phải có **tinh thần Dân tộc** để tìm cách Giải Hòa với nhau chứ không dùng Lý cực đoan để dành Hòn Thua với nhau. Khi Hòa với nhau thì hai bên không ai bị thiệt hoàn toàn, chỉ có những người có tinh thần Hùng Dũng mới vượt qua được, còn khi hai bên cố ăn thua với nhau thì cả hai bên chỉ đem nhau tới bế tắc lớn hơn ! Đó là cái nạn mà Cha ông chúng ta đã bảo : “ **Khôn Độc Đại Đàn và Tham Dĩa bỏ Mâm** “ mà không ai có lợi hết, chỉ khiến cho Dân tộc mang thêm cái Đại cá nhân, cái Họa Dân tộc bị phân hóa ! Cái lối sống Anh hùng một cõi này đang vây khổn Dân tộc chúng ta trong giấc Mê vong Nhân, vong Quốc!.*

*Còn khi hai bên không chấp nhận nhau không có tiêu chuẩn y cứ chung của Dân tộc thì có tiêu chuẩn **Nhân quyền và phương pháp đấu tranh Bất bạo động** để hai bên đấu tranh với nhau, gương Thánh Gandhi đang còn đó.*

CSVN đang kêu gọi Thành phần Quốc gia Hoà giải Dân tộc thì xin y cứ theo cách Hòa giải Âm Dương Hoà trên mà tiến hành, chứ không đem tinh thần “mâu thuẫn thống nhất” Mao Mác ra tranh biện thì không những không bao giờ đạt tới mối Hòa mà chỉ làm tăng thêm cường độ đấu tranh bạo động.

VII.-Tinh thần Âm Dương Hoà theo Tỷ lệ : 3 / 2

*Tỷ lệ **Tình /Lý** 3 / 2 là tỷ lệ 3 Tình 2 Lý. Tình Lý là trù tượng không có đơn vị nào để cân lường đong đếm được, mà là con số rất cơ bản. Khi hai bên mâu thuẫn với nhau thì phải nên dùng Tình BAO DUNG ngồi lại với nhau tìm giải pháp Hoà “ **một vừa hai phải** “ để sống yên*

vui với nhau là thượng sách, chứ cứ tìm cách cực đoan để Hòn Thua với nhau thì chỉ dất nhau xuống hố cả hai, nên nhớ **Văn hóa của Tổ Tiên chúng ta là “ Dĩ Hoà vi quý ”**, muốn Hoà theo Lý công chính thì phải mỗi bên phải có **tinh thần Hùng Dũng** mới đạt được, có Hùng thì không để đối phương dùng Lực bắt thịt để hiếp đáp, có Dũng thì hi bên không dùng sự bất công để thủ thắng, nên hiếu hòa không là khiếp nhược.

VIII.- Vi Ngôn Đại Nghĩa

Vi Ngôn Đại Nghĩa là lời nói có 4 chữ nhưng rất vi diệu và kín nhiệm, phải có trí óc tinh tế mới nhận ra được ý nghĩa của **Đại Nghĩa Âm Dương Hòa**, mọi người phải hiểu rõ Dịch lý Âm Dương Hòa mới có thể hiện thực được đại Nghĩa .

Đại Nghĩa là trách nhiệm hai chiều của “ **mọi người có Lòng Nhân** ” để thực hiện Công bằng trong Gia đình và ngoài Xã hội. Có thiết lập được công bình Xã hội thì Xã hội mới có Hoà bình. Xã hội ngày nay càng ngày càng chông chát Bất công do con Người bắt Nhân thiếu tinh thần “ **Hiếu hòa của Nhân Nghĩa, Bao dung** ” nên mới làm ra những chuyện Bất công . Muốn sửa Xã hội thì trước tiên phải **canh Tân con người cho có Tư cách và khả năng**, nên cần phải có một “ **nền Văn Hóa Thái hòa** ” để toàn dân y cứ vào đó mà Tu dưỡng để ăn ở công bằng với nhau, mới đoàn kết với nhau mà xây dựng và bảo vệ nước.

Khi Xã hội đã loạn thì phải sửa cái Gốc Văn Hóa, Văn Hóa là kho Minh triết giúp mọi người trau dồi Tư cách và Khả năng rất cần cho các Vị làm Chính trị và Truyền thông. Làm Chính trị không thể chỉ sửa cái ngọn nơi các Cơ chế xã hội rồi ren mà Xã hội yên bình được. Các nhà làm Chính trị không quan tâm đến Tư cách và Khả năng của con người Dân tức là làm **Chính trị bỏ Gốc Công chính mà ôm Ngọn Bất công** - nguồn rối ren Gia đình và Xã hội-, họ còn cao rao **thực hiện Dân chủ Tự do và Nhân quyền**, rõ là Bất Chính rồi, thì làm sao mà giúp Quốc gia được Yên Trị ?!.

IX.- Tinh thần Dịch lý (Âm Dương Hòa) nơi Con Người

Chúng ta hãy nhìn Thiên lý hay Dịch lý nơi Cơ cấu của con Người: Cơ thể con Người được cấu tạo bởi nhiều cặp đối cực : Não với hai Bán cầu não: Não Phải / Não Trái, Mắt Phải / Mắt Trái., Thân Phải / Thân Trái, Tay phải / Tay Trái., Chân Phải / Chân Trái.. .

Não Phải < chủ Tinh > / Não Trái < Chủ Lý > phải trao đổi với nhau qua Corpus collosum để sao cho **Tinh Lý tương tham** mà Hòa với nhau.

Hệ Thần kinh cũng có **Thần Kinh cảm giác và Thần kinh vận động** giúp các Cơ có thể co duỗi để cho con Người Vận động được ăn khớp nhịp nhàng .

Cơ quan Hô hấp trong mỗi con người cứ tuần tự đưa khí Oxy vào máu và khí carbonic được thải ra đều qua phổi giúp duy trì sự Sống.

Nhờ **Quả Tim** co bóp nhịp nhàng mà Máu được lưu chuyển trong Động và Tĩnh mạch giúp cho hệ thống **Tuần hoàn** được điều hòa.

Nhờ Cơ quan **Tiêu hóa** qua Miệng, Dạ dày và Ruột mà chất dinh dưỡng của Thực phẩm được hấp thụ vào mạch máu mà nuôi cơ thể, và thải ra ngoài những chất không cần cho Cơ thể giúp cho Cơ thể sinh tồn và mạnh khỏe.

Các hệ Hô hấp ,Thần kinh, Tuần hoàn, Tiêu hoá, Bài Tiết đều được hoạt động theo Chu kỳ.

Mắt Phải / Mắt Trái: *Khi nhìn một vật thì mỗi mắt cho một hình 2 chiều, khi hai hình của hai mắt có giao thoa với nhau thì mới có một hình nổi ba chiều.*

Thân phải / Thân Trái *có kết hợp với nhau mới che chở được các Cơ quan.*

Tay phải / Tay Trái *tuy có chức năng riêng nhưng hai tay phải phối hợp với nhau theo nhiều cách mới làm được nhiều việc khác nhau.*

Chân phải / Chân Trái. *Khi một chân có đứng yên (Tĩnh) thì chân kia mới có điểm tựa mà bước tới (Động), hai chân có thay đổi cách Tĩnh / Động nhịp nhàng mới Đi, Bò, Chạy, Nhảy, Leo trèo được, nhưng có Động được là nhờ có Tĩnh và ngược lại, điều này giúp chúng hiểu lời Hữu sinh ư Vô.*

Tiểu Đễn (bài tiết) / Đại Đễn (Sinh thực khí: Tinh trùng / Noãn sào) *ơi con Người được điều hòa giúp loài người sinh tồn và tiếp tục tồn tại lâu dài.*

X.- Tinh thần Dịch lý trong thế giới Hiện tượng

Nhờ sức Ly tâm và Quy tâm được quân bình mà Quả đất vừa tự xoay quanh và vừa xoay quanh Mặt Trời mà ngày, đêm, năm, tháng và 4 mùa cứ thế mà được chuyển vận theo chu kỳ rất chính xác .và thời tiết nóng lạnh bốn mùa cũng thay đổi điều hòa .

Mọi chuyển động trong Vũ trụ đều do sự biến đổi của các dạng năng lượng từ công thức: $E = mc^2$: Nguồn Năng lượng Tình yêu từ Thiên Chúa.

Năng lượng này - nguồn sống của vạn vật - được tỏa ra từ Mặt Trời tạo ra mọi vật và điều phối mọi sinh hoạt trong Vũ trụ. Viêm Đế của Việt Nam đã thờ Mặt Trời, một trong hàng tỷ Ngôi sao như mặt Trời , thờ Mặt Trời của những Mặt Trời là thờ Trời để giúp giòng dõi con cháu biết cách bám vào nguồn Tâm linh mà sống còn và phát triển.

Mặt Trời đã tỏa ra năng lượng với nhiều làn sóng có tần số cao thấp khác nhau, làn sóng có tần số cao thuộc Tinh thần và làn sóng có tần số thấp thuộc Vật chất. Khi Suy tư Não bộ phát ra nhiều làn sóng tạo nên những Tần số khác nhau, nhờ có cùng tần số Tư tưởng mà con Người hiểu nhau, thông cảm nhau.

Nếu chúng ta thực sự sống theo Nhân Nghĩa Bao dung, chắc chúng sẽ bắt gặp được Hồn Thiêng Sông (Nghĩa) Núi (Nhân) của Tổ Tiên! [1]

Đấng tạo ra năng lượng để sáng tạo ra hàng tỷ thiên hà trong Vũ trụ và vạn vật và điều phối các dạng năng lượng vận hành trong Vũ trụ được điều hòa chính là Thượng Đế toàn Năng, toàn Thiện, toàn Mỹ! Nguồn Năng lượng từ Mặt Trời chính là Nguồn gốc

của Ba luật lớn về Tâm linh và những Định luật Khoa học trong Vũ trụ. Ba luật lớn về Tâm linh là:

- a.-Luật **Biến động bất biến của Âm Dương**, (Law of Ying / Yang's Change)
- b.- Luật **Gía sắc** (Law of Sow and Reap)
- c.- Luật **Loại tụ** (Law of Classification)

D.- TINH THẦN DỊCH LÝ NƠI VĂN HÓA VIỆT

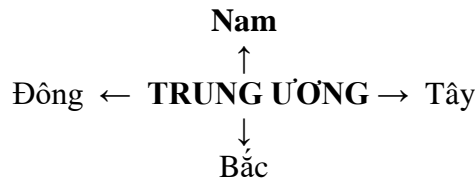
I.- VŨ TRỤ QUAN

Vũ : Tứ phương Thượng Hạ vị chi **Vũ** : **không gian**.

Trụ : Vãng cổ lai kim vị chi **Trụ**: **Thời gian**

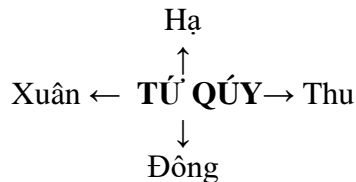
Vũ / Trụ lưỡng nhất $\rightarrow 1$ (Dual unit) \sim **Time = Space – Continuum** (Einstein)

1.- Không gian



Vũ : Nam / Bắc + Đông / Tây $\rightarrow 1$

2.- Thời gian



Trụ: Xuân / Hạ + Thu / Đông $\rightarrow 1$

Thời gian /gian lưỡng nhất $\rightarrow 1$: **Vũ / Trụ**

II.- NHÂN SINH QUAN

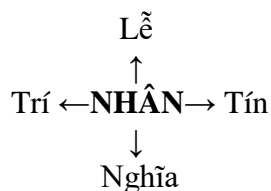
Thiên / Địa lưỡng nhất →1= Nhân (Trinity)

Thiên Hoàng / Địa Hoàng →1: Nhân Hoàng

III.- LỘ ĐỒ TU, TỀ, TRỊ, BÌNH

1.- TU

Ngũ Thường



Nghĩa / Lễ - **NHÂN** - + Trí / Tín lưỡng nhất →1 : Hùng / Dũng: Bao dung

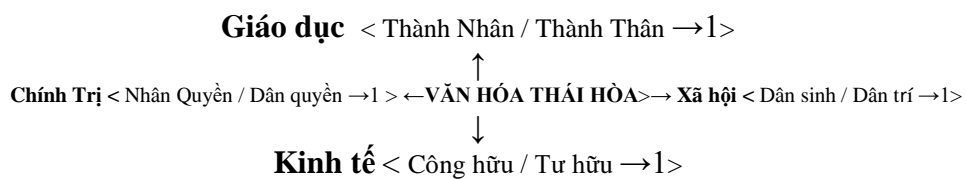
2.- TỀ

Ngũ luân



Cha Mẹ / Con cái – **VỢ CHỒNG** – Anh Em / Đồng bào lưỡng nhất →1: HÒA

3.- TRỊ BÌNH



Kinh tế/ Giáo dục – VĂN HOÁ THÁI HÒA - Chính trị / Xã hội →1: Cơ chế Xã hội Tiến bộ, ổn định .

4.- ĐẠT QUAN

Phong (Trời) / Lư (Đất) →1 : AN VI (Không Lợi hành & Cường hành mà An hành)

E.- TRIẾT LÝ AN VI

Ngũ hành là Cơ cấu (Xác) của Việt Nho

Triết lý An vi là Hồn của Việt Nho

Âm Dương Hòa là nền tảng của Triết lý An vi

Hữu vi là Triết lý Hữu thể (Oncology) của Tây phương

Vô vi là Triết lý Vô thể (Neti neti) của Ấn Độ

Hữu vi / Vô vi lưỡng nhất →1: An vi : Triết lý An vi của Việt Nho

I.- AN VI LUẬN

(Văn Lang vũ bộ: Mục 14. Kim Định)

1.- Thế nào là An vi

“ Nhiều người hiểu An vi là thanh nhàn không phải làm gì, khỏi bận tâm đi kiếm tiền kiếm của: thế gọi là An vi. Nếu An vi là vậy thì cần chi đến Triết lý chỉ việc gõ cửa mấy ông nhà giàu bự là đủ. Có người lại nghĩ rằng An vi là không nóng giận, cả không vui mừng nữa; sống bình thản trước mọi cảnh đời: éo le cũng như đắc ý, không dây mình vào việc chi, đời sao mặc đời. Nếu An vi là thế thì có khác chi mấy kẻ ù lì, việc chi phải đặt ra Triết lý An vi. Ngược lại Triết lý An vi cần:

Cho những Người Dấn thân vào Đời

Cho những Người phải Chiến đấu

Cho những ai Gặp bước Gian truân

Cho những ai Gặp cảnh Bần hàn

Cho những ai Muốn Cải tạo Xã hội.

Như thế thì An vi không có nghĩa là hưởng nhàn mà là làm việc hăng say mà vẫn thanh thản. An vi cũng không phải là vô cầu, nhưng cầu mà như không: không cầu mà cầu; nhắm thành quả mà quan trọng nhưng không đặt ở thành quả, nên không lấy thành quả để luận anh hùng. Bởi vậy với người đời đó là thứ Triết lý rắc rối ồm ờ, nhưng với người thấu hiểu thì lại nhận ra thứ Triết lý vi diệu rất khó đạt được. Tuy nhiên nếu hiểu đúng, đặt nền tảng cho ổn thì hy vọng đạt được không phải là điều vợi. Bởi vậy sau đây chúng ta sẽ bàn đến ít điểm cần cho sự hiểu Triết lý An vi mong có thể hiện thực được vào bản thân cũng như đời sống xã hội.

2.- Cần đặt vị trí cho An vi

An Vi nằm đâu đó giữa Hữu vi và Vô vi, hay đúng hơn bên trên hoặc bao quanh lấy cả Hữu vi lẫn Vô vi. Chữ An có nghĩa thông thường là "yêu hòa giải không tranh chấp" (**hiếu hòa bất tranh viết An**). Nghĩa đó đúng nhưng chỉ ở vòng ngoài trong lối sống thường nhật, chưa phải là nghĩa Siêu hình của chữ An vi. Muốn hiểu được An vi cần phải hiểu đến tận gốc rễ, mà cho được thế cần phải hiểu thế nào là Hữu vi và Vô vi và cái cạm bẫy đầy nguy cơ nấp sau hai Triết thuyết đó. Vậy **Hữu vi là Có Làm. Có làm thì phải rồi tại sao lại bảo là chứa chấp nguy hiểm**. Thưa rằng, cái đó rất tế vi nên không dễ nhìn ra được, cần phải phân tích thấu triệt.”

“Ta quen hỏi bạn đang làm gì đấy? Và câu thưa sẽ là tôi đang uốn cảnh hay ngắm hoa, đọc sách, biên thư. Bạn có thể thưa cả hàng ngàn câu, nhưng khi phân tích ra thì câu nào cũng có một **động tự** (uốn) và một **đối tượng** (cảnh). Ngay trong câu hỏi làm gì cũng đã có đối tượng rồi: nằm trong chữ Gì? Gì là Đối tượng của Làm. Vậy mà cạm bẫy trong chữ Gì, nghĩa là nằm trong Đối tượng. **Cái hại là Đối tượng sẽ thu hút hết nghị lực của con Người, khiến cho trong hành động tác nhân sẽ trút hết tinh anh vào Đối tượng**.

Người thường không thấy nguy cơ đâu cả, nhưng hiền triết nhận ra đó là **đầu mối của nạn vong Thân**, nó ở **chỗ bắt con người đầu tư trọn vẹn tâm thần ý chí vào Đối tượng của việc làm, khiến cho dần dần Đối tượng trở nên Chủ và sẽ Đối tượng hóa luôn con Người (objectiver l’homme) mà nghĩa thông thường là "Nhân hóa Vật": Người hóa ra như Vật, nghĩa là người cư xử và động ứng theo cung cách Vật thể. Điều đó sẽ dẫn tới chỗ Người xử với Người như với Vật (chosifier)**.

Từ đây bất cứ cái chi đâu là linh thiêng nhất cũng quan niệm theo lối sự Vật tức có hình thể. Thí dụ như Siêu hình cũng bị quan niệm kiểu những Vật hữu hình, tức như cái gì đứng bên ngoài mình, kiểu một Đối tượng, nghĩa là cái Tượng hình đứng đối diện với mình, mình phải đi tới nó để chống lại hoặc chiếm hữu lấy: avoir.

Đó là hậu quả đầu tiên làm tiêu tan mất cái linh thiêng vị tế trong Tâm hồn mình mà chính nó mới là Bản gốc của Người, vì thế gọi là vong Bản.

Từ đó sẽ dẫn đến nhiều ác quả mà trước hết là sự đề cao những tác hành có đối tượng bên ngoài mình và thế là dẫn tới **Lợi hành**: làm hoàn toàn vì lợi. Mà lợi đi với Địa (Thiên lợi, Địa lợi) tức là đi với cái gì bé nhỏ, có cục hạn như mọi sự vật: vì thế **Lợi hành là con đường thẳng đưa**

người ta đến Duy Vật. Một khi đã Duy Vật thì sẽ coi là vô giá trị mọi việc gì không có lợi, không sản xuất ra cái gì cầm nắm được và như vậy sẽ đi đến chỗ phế bỏ mọi việc Tinh thần, Tâm linh.

Hậu quả việc đó là cột chặt con người vào Đất, khiến nó bị tước đoạt hết những khả thể thanh thoát bay bổng, như thấy rõ trong lối hành xử của người cộng sản: chỉ gọi là làm việc khi có sản xuất ra cái chi cụ thể. Đó là tai họa lớn lao hơn hết trong kiếp người.

Vì thế có một thái độ đi ngược lại là không làm: Vô vi. Ở đây không nói đến chữ Vô vi của Lão Tử (đã bàn rồi trong Định Hướng Văn Học) nhưng có ý nói Vô vi là không làm gì, vì coi sự làm chứa đầy cạm bẫy giam hãm con người lại, không cho tung cánh bay cao. Nói theo kiểu triết Ấn Độ là hễ làm thì có Quả mà có Quả là có giây trói buộc do luật khắt khe Nhân Quả không cho con người giải thoát. Vậy tốt hơn hết là đừng có làm: Vô vi.

Nhưng Vô vi cũng đặt ra đầy khó khăn như không làm thì sống sao đây? Muốn Sống thì phải có Làm, mà có Làm thì lại bị trói buộc. Đàng nào cũng chết.

Đại để đó là gọng kìm nan giải đặt ra trước những Lương tâm bén nhạy cao độ để thấy nguy hại trong cái Hữu vi, nên chạy ừa sang Vô vi, vì chưa đủ tinh anh để đặt một lối thoát khác. Và lối đó chính là An vi được đề ra để hòa giải khó khăn gặp trên hai con đường Hữu vi và Vô vi.

Chủ trương của An vi là làm nhưng không đặt trên cái Có của Hữu vi: nói khác, không đặt quan trọng trên Đối tượng hay Hậu quả, nhưng đặt vào Tác động, và nhờ đó tuy có làm mà vẫn không bị đối tượng trăn trói, tức không bị lệ thuộc vào thành quả. Nhờ đó thành tựu hay thất bại không phá vỡ nổi Tâm trạng an nhiên thư thái của tác nhân.

Đó là bí quyết của Triết lý An vi, nó nằm bên trên Hữu vi (có làm) và Vô vi (không làm). Nó vừa giống Hữu vi vì có làm, nhưng cũng giống Vô vi vì không đặt trọn sinh lực vào đối tượng (gọi khác là thành công) nhưng phần lớn được đặt vào tác Nhân hay thành Nhân.

Câu nói của nhà cách mạng Nguyễn Thái Học "**không thành Công thì thành Nhân**" là hậu quả của Triết lý An vi. Y như Triết lý An vi là hiện thân của đạo Ba, là đạo đặt trọng tâm vào con Người.

Đang khi các Triết lý khác, không Hữu vi thì cũng Vô vi, và cả hai gặp nhau ở chỗ đặt quan trọng vào Đối tượng, tức là những mục tiêu nằm bên ngoài con Người.

Đây là điều rất tế vi đã được minh chứng tỉ mỉ trong cuốn Chử Thời. Ở đây chỉ có thể nói vắn tắt rằng nền Siêu hình của các Triết học đó đều sai lầm, nói là Siêu hình mà kỳ thực là Hữu hình hay ít ra Hữu tượng như thí dụ Lý giới của Platon hay thể giới Bản thể của Aristote đều là Hữu hình. Cho nên sau này Kant mới phê bình là Siêu giả tạo (illusion transcendante), nó gieo tai hại vô biên vì làm cho con Người vong Thân mà không hay biết.

Cứ tưởng để lòng trí vào Siêu hình là trở nên cao thượng, có biết đâu rằng đó mới là Siêu hình mà chưa Siêu tượng nên là lối vong Thân tế vi, chính nó giam cầm con Người trong gông cùm của Trục vật (chạy theo sự Vật mà quên Bản thân).

Dần dần đi đến chỗ cùng cực là chỉ biết trọng những việc gì có công hiệu cụ thể hữu hình v.v. hoặc chỉ biết trọng những việc có Đối tượng cao cả, mà chưa sao đạt được thái độ coi trọng việc xét là việc, không cần đối tượng cao hay thấp, vì thế ở đây xin nói tới khía cạnh ấy của Triết An vi, đó là:"

3.- Tìm hoàn bị trong mỗi việc bất kể To / Nhỏ

“ Đó là hậu quả của Siêu hình đích thực. Người thực sự đạt Siêu hình thì không còn lệ thuộc vào những cái Hữu hình (tức đối tượng) nên không đặt quan trọng ở Đối tượng, nhưng đặt ngay ở nơi Tác nhân, đặt ở thành Nhân, còn thành Công chỉ được coi như phương tiện, như những chặng trung gian mà không là tối hậu: nên coi mỗi thành Công là khởi điểm cho chặng tiến khác. Do đó khi thành tựu không tự mãn, khi thất bại không nản lòng. Bởi chung kỳ vọng là thành Nhân, thành Thân, có tính cách vô biên tức quá cao chẳng bao giờ gặp giới mốc nên không thể tự mãn, vì trước mặt đường tiến vẫn còn rộng mở. Có thất bại cũng chỉ là lật vật thuộc đối tượng, không hỏng đến đại cuộc là thành Nhân, vì thế mà không nản.

Nói thành Nhân không có nghĩa là coi thường thành Công. Thực ra không thể thái bỏ thành Công vì thành Công đã nằm trong thành Nhân như Thành phần nằm trong Toàn thể. Toàn thể là Nhân, vì Nhân được định nghĩa là "Thiên Địa chi đức" nên đương nhiên Nhân bao gồm mọi đối tượng. Vì không một đối tượng nào dù to hay nhỏ có thể ra khỏi vòng Thiên hay Địa, còn thiếu chi đâu!

Đó là một tâm trạng coi như vu vơ, mà ai đạt được lại thấy hậu quả tràn ngập toàn thể Thân Tâm mình. Vì thế hậu quả đầu tiên khi đạt tâm trạng đó là sẽ làm rất hăng say bất cứ công việc nào vì lúc ấy to nhỏ không được đánh giá quan trọng như trước, bởi to nhỏ do đối tượng, nhưng bây giờ vì không đặt nặng đối tượng, nên việc nào cũng đáng làm với cả Tâm hồn Thể xác. Người ta nói về Thượng Đế là đáng tỏ ra "rất cao cả trong những việc hết sức bé nhỏ" (maximus in minimis) là vì quan trọng đặt ở Tác động, tức là đặt ở tác Nhân là Thượng Đế, mà vì Thượng Đế có khả năng vô biên nên dù làm một việc rất nhỏ, như một con muỗi thí dụ, cũng làm đến độ cực kỳ vi tế đến độ đủ biểu lộ được quyền lực vô biên. Họa sĩ có thiên tài không cần phải vẽ cái chi cao cả mà chỉ vẽ vài quả táo thối như Mục Khê đã làm cũng đủ biểu lộ thiên tài, khỏi cần đối tượng to.

Người sao chiêm bao vậy: không cần chiêm bao to hay nhỏ, nhưng cần người chiêm bao phải To. Làm như thế để cho con Người nên To, đó là ý nghĩa sâu xa của nền Minh triết Tam tài đặt con Người ngang cùng Trời Đất như được bàn nơi khác (Chữ Thời, Nhân Bản). Ở đây chỉ đề cập đến một khía cạnh cụ thể là nền Giáo dục.

Giáo dục muốn đạt An vi phải là nền Giáo dục làm to con Người, gọi tắt là Vi Nhân. “

4.- Giáo dục “ Vi Nhân “

“ Nghĩa là **nền Giáo dục** trước hết **nhằm đào luyện ra Người to**, người to rồi việc mới to, việc nhỏ cũng sẽ hóa ra to, người nhỏ thì việc to rồi cũng hóa ra nhỏ. Nói khác, không phải hễ chương trình hay thì rồi mọi việc sẽ hay khi thiếu người hay, nhưng nếu **muốn cho mọi việc hay thì cần trước hết phải có Người hay.**

Bất cứ Chính trị, Xã hội, Kinh tế chi chi cũng không thoát luật chung đó. Vậy mà **Giáo dục hiện nay lại hướng hết vào Đối tượng, mà bỏ bê con Người, vậy là bỏ Gốc ôm Ngọn. Dấu hiệu rõ nhất của sự vụ là Giáo dục hướng trọn vẹn vào Lợi hành.**

Các nhà giáo dục tận tâm khuyến khích thành Công: luôn luôn tập rèn cho trẻ biết đánh giá theo thành Công, đến nỗi coi đó như Cứu cánh cuộc đời. Đây là một việc thừa để khỏi nói là có hại. Thừa là vì thành Công thuộc Tiểu ngã không cần khuyến khích thì con Người cũng đã chạy theo rồi, nhất là khi còn bé nhỏ chưa thể thấy gì khác hơn là thi đua. Lẽ ra Giáo dục phải biết tiết chế chiều hướng đó lại, để nuôi dưỡng lòng hướng Thượng, lòng ham muốn thành Nhân, vì đó mới là sứ mạng của nền Giáo dục chân chính tức là nuôi dưỡng (dục) cái Nhân tính (giáo) chứ không phải là Giáo dục con người để chạy theo sự Vật đến độ quên Mình như nay.

Con người hiện đại chỉ biết trục Vật là lỗi do nơi nền Giáo dục chỉ biết đề cao thành Công là làm nhỏ Tâm hồn con người lại, không còn chỗ trống cho sự nảy nở những mối Tình cao thượng vị tha. Chỉ khi nào biết đề cao Chủ thể hay tác Nhân, thì mới là vun tưới Đại ngã man mác. Tổ tiên ta được tiếng là: "Thắng không kiêu, Bại không nản".

Chính vì đã được tôi luyện trong nền Giáo dục An vi vậy. Để chứng minh xin trưng ra đây hai việc rất linh thiêng đã được in dấu của nền Giáo dục Vi Nhân như thế nào. Đó là hai Lễ Gia Tiên và Tế Thiên.

Tại sao Việt Nho đã biến việc thờ Tổ tiên ra lễ Gia tiên, biến việc thờ Thượng Đế ra lễ tế Thiên? Thừa vì thờ Tổ tiên là tin có linh hồn về hưởng của dâng, rồi xin ơn này nọ, vậy là bám vào những cái tư riêng hữu hình bé nhỏ. Điều đó sẽ gây tai họa sâu xa vì dùng những giờ phút trang trọng nhất để vun tưới cho lòng tham, khiến cho những giờ phút linh thiêng nhất được dùng vào việc tài bồi óc ham muốn. Vậy là bó chặt thêm mãi tâm hồn vào những cái bé nhỏ hữu hình, cho nên tiên Nho nói: "tự cầu đa phúc" là vì vậy, tự cầu là không xin gì ngoài mình thì rồi lòng sẽ được thả buông dần và siêu lên đến chỗ thanh thoát an nhiên. Vì thế mà tục thờ Ông Bà đã thăng hoa thành lễ Gia tiên. Nơi đây chỉ biết tế dâng là tế dâng, không để cầu cạnh cái chi hết, chỉ cốt dùng việc tế dâng để đi vào tới tận thâm Tâm lòng mình, đặng hội thông cùng Trời Đất vạn vật hầu làm nên nhất thể (đọc lại quyển Hồn Nước với Lễ Gia Tiên, chương II, Phúc giả bị dã.)

Tế Thiên cũng vậy. Thiên ở đây không còn là Thượng Đế nhân hình nữa, nhưng chỉ còn là luật Trời Đất huyền vi. Người không hiểu cho là lờ mờ, nhưng với người hiểu thì biết đây mới chính là siêu hình: vì Thiên không còn Nhân hình nữa nhưng chỉ là khối linh quang u linh bàng bạc cùng khắp, khiến cho Tâm hồn quen thờ trong bầu không khí man mác đó sẽ lơ lửng khỏi đối tượng bé nhỏ để bay lên thanh thoát nhẹ nhàng theo Tiết điệu uyên nguyên của Vũ trụ, tiên Nho kêu đó là "đại thuận đại hóa".

Đại thuận là thuận theo thời Trời, gọi là đại vì không gì lớn lao hơn Trời Đất, nên cũng là đại hóa tức vươn ra mệnh mông như Vũ trụ "ngô tâm tiện thị vũ trụ" là vậy. Vì thế An hành,

An vi được nhấn như lý tưởng tối hậu của nền giáo dục đặt xa bên trên hai đợt Cường hành và Lợi hành.

Cường hành đặt móng trên sự sợ hãi: sợ Trời đánh Thánh vật, tức chưa đi vào đến Lý trí nên là thấp nhất.

Đến Lợi hành tuy đặt trên Lý trí nhưng đối tượng chỉ mới là thành Công, chưa đạt Tâm linh.

Chỉ còn An hành mới đạt Tâm linh trọn vẹn, mới có sức phát huy Nhân phẩm, Nhân cách.

Người ta sẽ dễ nhận ra điều đó khi thấy Việt Nho đã đào tạo ra được nhiều nhân sĩ hơn hết với một tâm hồn thanh thản, cái thanh thản kiên cường không cần chắn gió che sương nhưng dám đi giữa bụi đời xoáy lốc mà vẫn thanh thoát tự tại “.

5.- Những Phạm trù chính trong Triết Lý An Vi

(Hoa Kỳ với thể chiến lược hoàn cầu: Chương V. Kim Định)

“ An Vi chính là triết lý Việt Nho nhưng được đào sâu và quảng diễn hợp với cảm quan thời đại nên cần đặt cho tên mới để dễ nhận diện. Nền triết lý này chia sử trình Tâm thức con Người làm 3 nấc: Bái Vật, Ý Hệ và Tâm Linh.

a.- Bộ phạm trù đầu tiên

A.- Bái vật

Là thời mông muội, Lý trí con Người chưa phát triển đủ nên dễ nghe sao tin vậy: Bất cứ vật nào hễ xem ra có mùi quyền phép đều được coi như thần linh, được tôn thờ bái lạy, nên gọi là Bái Vật (animistic totemic). Con Người thờ đủ thứ vật từ con to như hổ, báo, voi, hùm, sư tử cho đến con nhỏ như cóc, ngoé, bọ cạp, gà, chó, mèo heo. . .

Cao lên một bậc là ma thuật: Khi thấy van xin không được thì tìm cách sai khiến Quỷ Thần, đó gọi là ma thuật; ma thuật kể như nghi lễ của Bái vật. Như vậy Bái vật là tên rất chung chỉ mọi thứ dị đoan tràn ngập đời sống lúc con Người chưa bước vào tuổi dùng Lý trí, còn y cứ trên

những định đề của Bái vật, những đế quốc cổ xưa như Babylon, Assyria, Egypte, Perse, Ấn Độ thuộc vào thời này, thời “ Nhĩ bất thuận tâm “ nên rất hoặc.

B.- Ý hệ

Là giai đoạn chống lại Bái vật. Con Người không tin nữa mà chỉ muốn “ nhìn tận mắt, bắt tận tay “ , quay ra phê bình chỉ trích những niềm tin trước, lấy sự vật thực tế làm nền tảng. Đây là thời kỳ sẽ mở vào Khoa học xán lạn, mang lại ơn ích lớn cho loài Người. Nhưng trong phạm vi Triết, vì cũng muốn theo kiểu khoa học chỉ bằng vào có tai mắt, nên hẹp hòi: tai mắt chỉ có thể thấu nhận những hình ảnh của vật trừ hình, gọi là ý niệm.

Nếu xây Triết trên ý niệm suông sẽ gây ra ngoài biết bao cái tế vi, vô hình, thí dụ những gì Linh thiêng hoặc Tình cảm con Người, Tình nhà, Tình nước đều kể như không có.

Chỉ phát triển có Lý trí nên gọi là Duy Lý một chiều, rồi hệ thống hoá các ý niệm cách chặt chẽ nên gọi vắn tắt là Ý hệ.

Ý hệ là Triết làm bằng Ý niệm suông rất khô khan, người ta gọi đó là Triết lý vô hồn: không có niềm hy vọng lớn lai để thổi căng cánh buồm nghị lực. Các đế quốc được thiết lập theo Ý hệ thì như Tây Âu nhất là thời chiếm thuộc địa, hoặc Nga Xô nay.. Còn La Hy có thể coi như ngồi đang chân lên cả hai: Cả Bái vật lẫn Ý hệ.

C.- Tâm linh

Là giai đoạn của Lý trí được mở rộng để bao gồm cả Tình, cả Chí, cả Thiên năng, Tiềm thức, Siêu thức, gọi chung là Tâm, nên chữ Tâm rất rộng nghĩa.

Ta có thể tạm dùng chữ Thiên năng, Siêu thức để chỉ tỏ cửa ngõ của Tâm đang có một ý niệm sơ sài.

Vì tính cách bao trùm đó, nên Triết lý xây trên nền Tâm cũng gọi là Triết lý Toàn thể , bao trùm cả Vũ trụ, gọi là “ vũ trụ chi tâm “. Tâm biểu lộ ra bằng Tình.

Tình ở đợt Bái vật là thứ Tình bị tràn ngập chưa được Lý trí kiểm soát.

Ý hệ thì đẩy Tình ra để Lý trí chiếm trọn.

Đến Tâm linh mới hội nhập cả Tình cả Lý, cả Thiên năng, Tiềm thức, nên rất hiệu nghiệm, gọi vắn tắt là Linh. Linh với Thần như nhau, đều không ở nơi nào nhất định, mà ở khắp chốn, nói Tâm linh cũng là nói lên sự hiệu nghiệm bao trùm vì có mặt khắp nơi, không gì không tiếp cận. Các nước y cứ trên Tâm linh xưa có Tàu, Việt, Đại Hàn, Nhật Bản, gọi chung là Việt Nho.

b.- Bộ phạm trừ thứ hai

Để nhận rõ hơn tính chất của 3 đợt Tâm thức trên, triết lý An Vi đưa ra bộ phạm trừ thứ hai: Dụng, Từ, Ý, Cơ làm thước đo sự sâu rộng của một nền triết. Triết nào khởi từ Cơ thì đi xuyên qua Ý và Từ để xuống mãi tới Dụng:

A.- Cơ

Là Nguyên lý cùng tột.

B.- Ý

Là Tư tưởng, là Triết học (hệ thống của ý)

C.- Từ

Là Lời Nói, Văn học.

D.- Dụng.

Là việc Làm, Định chế, Thói tục.

Triết nào khởi từ Cơ đi qua Ý, Từ rồi thấu đến Dụng là triết sâu và rộng nhất.

Nói Dụng, Từ, Ý, Cơ là bắt đầu ở chỗ cụ thể hiện hình mà lần lên cũng thấy hợp với Từ và Ý rồi đến Cơ thì cũng vậy. **Triết học Lý niệm** khởi từ Ý, tận cùng ở Từ hầu không tới được việc làm cụ thể, hậu quả chỉ là những thuyết lý trừu tượng hoặc không tưởng (utopie) chẳng có chân nào trên mặt đất, như Cộng hòa của Plato hay các thuyết trong triết học cổ điển Tây Âu, mà nền tảng Siêu hình xây trên ý niệm hữu thể rất trừu tượng thuộc Lý trí rỗng đến độ đẩy lui Tinh và Chí là những cái có sức huy động nghị lực con Người, nên triết trở thành trừu tượng son đẹt.

Triết (Lý niệm) làm ra là để bàn luận trong trường ốc, chứ không thực thi vào đời sống được. Nếu chẳng may người ta Cường thi hành như Cộng sản cố tình làm với triết học Karl Marx thì phải bù bằng đủ thứ công an mật vụ để ép buộc, khủng bố mới có Làm, vì cái Làm đó không do tự trong phát xuất thường trái với bản tính con người, nên chỉ có Làm bao lâu còn có sự khủng bố, ép buộc. Ngược lại, Triết lý đặt trên Cơ tức trên nhu yếu thâm sâu của con Người, tất nhiên có Dụng theo, khởi cần phải thúc đẩy từ ngoài. . . Vì thế nó khác với Ý hệ ở chỗ không đưa ra Utopia hoặc nên ý tưởng rất cao cũng vẫn còn làm được. Thứ đến, nó cũng khác Ý hệ, nhất là khác Bái vật ở chỗ không dùng “ Mưu Gian Đạo Đức “ (vì Đạo Đức mà đánh lừa, pia fraud), thí dụ Mặc Dịch hứa tìm việc cho môn đệ, nhưng khi học xong ông nói có việc đâu, đó chỉ là đánh lừa môn sinh để chịu khó học. Bái vật dùng tràn ngập pia fraud đã đành, cả đến Triết lý nhiều khi cũng không chê, thí dụ ông Tổ triết Tây là Plato cũng dùng bộn. Còn Cộng sản thì khởi nói: luôn luôn sống trên những lời hứa cuội (lợi hành) kèm theo khủng bố (Cường hành), tại Ý hệ là triết học xây trên Ý niệm, không đủ sâu để khơi động nguồn nghị lực tâm hồn, đành phải dùng những trợ lực ngoại khởi như pia fraud.

c.- Bộ Phạm trù của Việt Nho

Hãy so sánh các xã hội cổ sơ vừa nhắc đến, để có sự minh họa. Đang khi các xã hội theo Việt Nho đều có cả 4 đọt: Dụng, Từ, Ý, Cơ:

A.- Cơ

Là Đạo Nghĩa.

B.- Ý

Là Triết lý, Đạo học.

C.- Từ

Là văn học nghệ thuật, cũng tuân theo Đạo lý.

D.- Dụng

Là sự áp dụng Triết học vào đời sống gọi là **Định chế**, là **Thối tục**, mà từ Vua tới Dân đều cố theo.

Vì thế tất cả 4 chặng đều ăn chịu với nhau như một Cơ thể, nên có hiện tượng này là dù Triết đưa ra lý tưởng hết sức cao (Cơ), nhưng vẫn hiện thực (Dụng) được, không những thâm nhập vào Triết học (Ý), Văn học (Từ), nhưng còn thấu tới Thân Tâm con Người. Lịch sử văn minh đã phải khen là “nền luân lý hiệu nghiệm hơn hết gặp được trong các dân ở bất cứ thời nào “ (W. Durant. Story of Civ. Vol. I 6- 40). **Một xã hội đông người nhất, với phương thức cai trị bền bỉ nhất, vào tạo được hạnh phúc hơn hết cho con Người : Không có chế độ Nô lệ hay nếu có cũng đã được bãi bỏ sớm. Tuy có chuyên chế nhưng là chuyện từng giai đoạn với từng ông vua, chứ nói chung thì không. Người ta không thấy chỗ đó vì lẫn lộn với độc tài, độc chuyên với chuyên chế .**

Độc tài (authoritarianism) thì nhất định các vua xưa đều độc tài, nhưng không hẳn chuyên chế theo nghĩa mạnh của từ Tyranny hay là Totalitarianism, nó đòi kiểm soát hết mọi chuyện không những chính trị, mà hết cả đời sống, nó định đoạt tiêu chuẩn cho mọi giá trị, từ kinh tế, nghệ thuật, văn học đến bản thân, tư tưởng, cảm tình, tôn giáo như ta thấy thực thi trong các xã hội cộng sản: người dân mất hết mọi Tự do. Trong chế độ Quân chủ xưa mà ta gọi là độc tài, người dân còn hưởng rất nhiều tự do, từ tôn giáo, tư tưởng, nghệ thuật đến kinh tế, đi lại, cả đến tài sản. . .

Có thể so với Dân chủ ngày nay tuy đời sống thấp hơn nhiều, nhưng về Tự do không thua bao lắm, thường chỉ trong chính trị, ngoại trừ một số người sống bên cạnh Vua bị ràng buộc nhiều hơn, còn toàn dân sống trong thôn làng vẫn có thể nói mà không sợ bị cải chính, là “ phép Vua thua Lệ làng “

Ngược lại trong các nền Văn minh khác như Babylon, Perse (Ba Tư) , Egypte (Ai cập) phải gọi là Đế quốc vì thường có những điếm đi cùng, như chuyện bóc lột hết mọi Tự do. Đây là những cái diệt hạnh phúc con Người, các xã hội đó đều có cả bấy nhiêu một cách nền móng. Đó là kết quả của sự xây trên Ý hệ cũng như Bái vật, đã bao gồm một vài Giai cấp được hưởng Tự do như Quý tộc trong xã hội La Hy. Nhưng nói chung, Định chế vẫn đặt trên liên hệ Chủ Nô

kéo theo sự Giàu Nghèo chênh lệch quá đáng. Đây là lý do căn để để gây nên sự suy sụp các Đế quốc họ.

Ngoại trừ Ấn Độ, không một Đế quốc nào sống được một phần ba tuổi của các xã hội Việt Nho. Là vì Bái vật và Ý hệ không có sự hiệu nghiệm phát xuất từ Cơ, nên không bao được Dụng, Từ, Ý, Cơ mà trở ra chỉ có Từ và Ý, thì Từ đầu óc sản xuất, rồi phát biểu ra miệng, không đủ sức huy động Tâm Tinh. Trái lại Cơ phát xuất từ Tâm Tinh nên huy động toàn thân, tự nhiên thi hành ra, và khi thi hành thì sinh ơn ích, gây hạnh phúc cho con Người.

Các xã hội Dân chủ Tây Âu nay dù đã bỏ được chuyên chế, không phải do Cơ, mà hầu hết là do Lương tri như tranh đấu, do Kinh tế phồn thịnh, do Tâm thức con Người đã phát triển đủ. . . Vì không do Cơ, nên xã hội chỉ có luật pháp, trên nữa không có Đạo Nghĩa, dưới không có gì hướng dẫn việc tu Thân, tề Gia và các Liên hệ tinh tế của con Người. Đây là chỗ cần nói đến sự khác biệt giữa Cơ cấu học hiện nay và cơ cấu An Vi. Tuy cả hai cùng dùng phương pháp như nhau: cùng số độ, đồ hình, huyền thoại, huyền sử, cũng đối chiếu với các Văn minh, cũng nhìn bao trùm. . . Nhưng cái khác là Cơ cấu hiện này còn mang nhiều tính chất Lý trí, phần lớn được Lý trí kiên tạo ra (construit) để tìm Hiểu các Văn hoá cổ sơ hay giải nghĩa các tác phẩm Văn học, chứ không chủ chốt nhằm vào hướng dẫn đời Sống. Vì vậy bộ phạm trù **Dụng, Từ, Ý, Cơ** chỉ áp dụng riêng cho Việt Nho, ít ra cách trung thực hơn cả.

d.- Ba Nguyên lý

Để thấy điều đó ta hãy phân tích cái **Cơ của Việt Nho về phương diện triết.** Vậy Cơ ở đây được biểu diễn ra 3 nguyên lý tối cao, nên đúng ra gọi là Định đề (premises), đó là:

Nguyên lý Lương hợp

Nguyên lý Nhân chủ

Nguyên lý An vi.

Ba nguyên lý này thuộc Cơ, vì nó không còn ở trong tầm tay lý lẽ để mà chứng minh, mà lý luận nữa, nó đã ăn sâu vào Tiềm thức phần lớn rồi.

A.- Nguyên lý Lương hợp

Hai mà một, một mà hai, có mà như không, không mà lại có, đó là một, không thể nhập nhằng nước đôi, vậy đó là định đề căn bản của Triết lý An vi. Nhờ đó, nó đưa ra được Vũ trụ quan Động, ngược hẳn với nguyên lý Tĩnh của Ý hệ, gọi là nguyên lý Đồng nhất: A là A, Động là Động, Tĩnh là Tĩnh.

Đã Động thôi Tĩnh, đã Tĩnh thôi Động. Nó rất hợp với Lý trí, nên làm nền móng cho Logic.

Trái lại, **Việt Nho thì Động mà Tĩnh, Tĩnh mà lại Động.** Đó là Nguyên lý Đồng Thời.

Trong A đồng thời có B, trong B đồng thời có A, một mà hai, hai mà một, các học giả kêu là Dual Unit (Hai mà Một), nó bao gồm cả hai bên.

Đợt cao nhất của nó thuộc siêu hình là Có Không, Không mà lại Có. Có nương Không mà sinh, Không nương Có mà xuất hiện.

Đợt hai thuộc thực tế cụ thể hơn, nên nói Trời / Đất, Núi / Sông, Mưa / Nắng. . . Những chữ đối đáp này chỉ thị hai hạn từ đối lập nên là phạm trù tổng quát chỉ các cặp đối lập như Sáng / Tối, Cứng / Mềm, Ngày / Đêm, Nam / Nữ. Triết học Lý niệm chỉ có một bên, quen gọi là Duy: một là một, A là A, đã A thì không B, không thể có trường hợp thứ ba được: tertium non datur, excluded middle.

Triết lý An vi không những nhận có trường hợp thứ ba, còn tôn lên gọi là Tam tài và lấy làm nền tảng. **Tam tài là Trời, Đất, Người.**

Đó cũng là điều nghịch lý, hay siêu lý vì con Người bé nhỏ đặt ngang hàng với Trời cùng Đất sao được: không thấy vô lý sao? Nhưng vậy mới nói là nó vượt khỏi phạm vi Lý trí để ăn sâu vào Tiềm thức và thuộc về Cơ .

Cơ chú ý tới mọi liên hệ giữa hai Thái cực, nói trong Tam tài có Người giữa Trời cùng Đất cũng là nói Người là liên hệ giữa Trời và Đất.

Triết học cổ điển chỉ chú ý đến từng hạn từ (term) hoặc Trời hoặc Đất, hoặc Có hoặc Không. Do vậy hoặc Duy Vật hoặc Duy Tâm mà không chú ý đến mối Tương quan của nó như triết Việt Nho chú ý đến cả hai: Cả Âm lẫn Dương, “Âm Dương tương thối “.

Huyền sử nói Mẹ Âu Cơ gặp bố Lạc Long trên cánh đồng Tương là hàm ngụ ý đó. Nói cụ thể là không đặt ưu tiên vào Trời với Đất, mà đặt vào Người được quan niệm là mối Liên Hệ giữa Trời cùng Đất.

Do việc đặt đề này mà Việt Nho chính là Tổ sư Cơ cấu: vì Cơ cấu không quan tâm đến Hạn từ, nhưng đặt nặng trên Tương quan của Hạn từ. Tương quan là cái gì năng động. Nói Người là Tài cũng nói Người là Tác năng, là “ tạo hoá Con “ , (không tạo hóa viết hoa) là do vậy. Hậu quả của sự nói Cơ với Dụng là thế. Đó là nguyên lý đầu tiên có thể gọi là Vũ trụ quan động.

B.- Nguyên lý Nhân chủ

Nguyên lý thứ hai thuộc Nhân sinh quan cũng thuận theo thế Động của Vũ trụ quan gọi là Nhân chủ theo nghĩa người là Chủ nhân ông. Chủ là cái gì ? Thừa là Chủ Trời cùng Đất, nói đúng ra chủ Thân Tâm mình bao gồm Trời Đất ở trong, ngược với Vật chủ ở hai đợt Bái vật và Ý hệ, nơi ấy con Người vong Thân bị sự vật sai sử nên gọi là Vật chủ (chosisme), Mỹ gọi là Reified man hoặc thingified man). Đó là Nhân sinh quan Nhân chủ.

C.- Nguyên lý An vi

Đây là nguyên lý khó hiểu nên cần bộ phạm trù thứ ba gồm: Cường hành, Lợi hành và An hành.

1.- Cường hành

Chỉ những việc mà động cơ ở ngoài con Người như làm vì sợ Trời đánh Thánh vật, làm vì bị bắt buộc như Tù nhân phải lao động, mất hết Tự do, Tự lực.

2.- Lợi hành

Thì động cơ là Lợi lộc, tuy ở ngoài nhưng còn để cho con Người ít Tự lực, được Tự do khỏi cưỡng buộc, chỉ mất Tự do Luân lý.

3.- An hành

Không còn tìm động cơ từ ngoài nhưng tìm ngay trong mình, thấy đáng làm thì làm, thành bại là thứ yếu. Loại này hợp cho con Người được quan niệm như Nhân chủ, nó không phạm đến Tự do Tâm lý con Người, con Người vẫn là Chủ cả ngoài lẫn trong, tâm lý vẫn đủ sức tự Cường, tự Lực, khỏi cần sự thúc đẩy từ ngoài. Nó là việc cốt cán cho triết lý xây trên Nhân chủ gọi là An vi. Gọi thế để đặt vị trí giữa hai khuynh hướng triết ở hai Thái cực là Hữu vi và Vô vi.

Hữu vi là cố làm hiệu là sự làm gắn liền với Đối tượng, nô lệ cho Đối tượng. Điều đó kéo theo sự nguy hiểm rất vi tế dẫn con Người đến tai họa bị Vật Hóa (thingification) vì thế đã có sự phản động lại để tránh tiếp xúc với sự vật để khỏi bị Vật Hoá (một thứ chính sách Monroe trong triết cũng gọi là chính sách đà điều). Nhưng không làm thì sống sai, nhân tiên là không có ăn: theo nguyên tắc tay có Làm thì hàm mới có Nhai.

Thế là Vô vi cũng mắc kẹt như Hữu vi. Đàng nào cũng chết: Làm thì bị Vật Hoá, không Làm thì làm sao sống. Vậy phải tìm lối nào đây để thoát khỏi gọng kìm một bên là Hữu, một bên là Vô. Và câu thưa là An vi.

Triết lý An vi lấy An hành làm lý tưởng, nhưng không gảy bỏ Lợi hành và Cường hành.

Nhưng cái đó thuộc Tiêu ngã, thuộc vòng hiện tượng không dễ gì bỏ được, lý tưởng là phải có thêm nhiều tác động ở đợt An hành, để nó làm Chủ, để nó bao phủ lấy việc hai đợt dưới hầu làm cho chúng trở nên thanh thoát lấy. Còn chính chủ tịch của của Thanh thoát phải là các việc thuộc đợt An hành: Chính những việc này mới giúp vào công cuộc thanh nhàn hơn cả.

Vì thế Tiên hiền Việt Nho đã đưa ra định chế Tứ Quý để giúp thực thi. Tứ Quý là bốn tuần cuối bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông Hay tuần cuối của tháng 3, 6, 9, 12.

Đó là bốn tuần mà Tứ Quý mượn của bốn tháng nọ. Mượn để làm gì ? Thưa để không làm chi hết, mà chỉ Ngồi Không, chữ Nho nói về vua là “ **Thùy Y thường** “ : thả lỏng áo quần xuống như Người không phải đi làm. Nếu muốn nói “ có Làm “ thì là làm cái “ Không làm “, vì việc chính của Tứ Quý là trút sạch những cái Có trong lòng mình ra, những cái đó thuộc Hữu vi đầy sức ngang trở Tâm hồn, không để cho cái Có trôi lên mặt Tâm thức để nói lên tiếng nói Thiên mệnh, tức là những nhu yếu thâm sâu của bản tính con Người.

Thành thử con Người chỉ nghe được lệnh truyền của Bái vật hoặc Ý hệ hoàn toàn ngoại khởi, không nghe được nguyên ngôn là mệnh lệnh của Nhân tính Tâm linh. Những ngang trở đó có

nhieu nhưng được quy vào hai cặp danh từ Bái vật và Ý hệ. Đó là những động cơ từ ngoài, có sức Vật Hoá Người nên lâu lâu cần thì giờ không làm gì mà chỉ lo xả bỏ.

Khi xả hết rồi sự làm sẽ thông dong, để trở nên An vi, làm vì đáng làm là làm, không phải làm vì bị trời đánh thánh vật, hoặc vì bôn ba lợi danh nữa. Những thứ làm đó đều bắt con Người nô lệ cho Đối tượng, nô lệ cho sự thúc đẩy bên ngoài, nó làm sa sút Nhân chủ tính, chỉ có an hành mới xứng là việc của con Người Nhân chủ.

Đó là đại đề cái khung của triết lý An vi đặt trên cơ cầu ba nguyên lý Lương hợp, Nhân chủ và An hành. Đó là cơ cấu thượng thặng ta có thể diễn tả bằng Hình vẽ, bằng Huyền số, bằng Huyền thoại.

Xem lại lịch sử cũng như quan sát con Người sẽ dễ dàng nhận ra cả ba loại việc kể trên Cường hành, Lợi hành, An hành. Nhưng nhiều khi có An hành mà không có An vi. Đó là những bậc “ sinh nhi tri chi “ tức là bẩm sinh được như thế : rất cao thượng, không màng công danh. Nhưng đó là những đoá hoa vĩ đại không được vun tưới mà tự nhiên mọc lên được giữa rừng hoang. Triết lý An vi muốn phân tích hành vi của những bậc cao cả nọ để rút lấy cái cơ cấu đang thiết lập ra một nền triết hân hoi để giúp nhận thức ra hiện thực.

Điều đó Việt Nho đã làm rồi nhưng chỉ đủ cho đợt tiến trước, không còn hợp cho cảm quan đợt tiến mới có thêm khoa học thuộc cả Sinh (Sóng) lẫn Tâm (Linh) : Sinh như kỹ thuật cơ khí nâng cao mức sống, Tâm như các khoa học Tân Nhân văn: xã hội, khảo cổ, Nhân học, uyên tâm, cơ cấu. . . Các khoa học đó sẽ giúp con Người có thêm rất nhiều những xác định cặn kẽ hơn, những cái nhìn thấu triệt mới lạ. Vì thế cần một Triết lý hội nhập tất cả các sở đắc mới nọ.

Đó là nền Triết lý mà nước Mỹ, dân Mỹ phải làm và rồi họ sẽ làm được. Khi nào làm được thì Mỹ sẽ dẫn đầu cuộc cách mạng Tâm linh đang thiếu đường hướng. Hiện nay Mỹ đang ở tuổi Ý hệ, Lợi hành. Chỉ cần đặt trên Lợi hành một đợt An hành nữa là xong. Muốn được thế cần mạnh dạn đi vào cuộc cách mạng Tâm linh mà việc đầu phải là xây đắp nền Triết mới trên Cơ cấu, rồi bắt toàn dân học biết như biết Hiến pháp vậy.

Nói đến đây có người sẽ la ó cho là phạm đến Tự do, phạm đến Hiến pháp xây trên Tự do, nên phải để mọi người Tự do! Mỹ phải theo chế độ đa phương nghĩa là nhiều Triết.

Nhưng bạn có biết đa phương thực sự là chi chằng ? Thừa là chắn che sự ngu dốt, sự bất lực. Nói rõ ra cả Mỹ cũng như Tây Âu không sao thiết lập nổi một nền Triết Nhân sinh có đủ sức làm lãnh chúa, phải ở lì lại trong Ý hệ, tất nhiên mắc cảnh “ Thập nhị sứ quân “, cá đối bằng đầu, nên phải lấy đa phương làm tôn chỉ, cốt để tránh cái họa chuyên chế độc hữu vốn là đặc tính của Ý hệ. Tưởng như vậy là trọng kính Tự do, có ngờ đâu rằng nước thiếu một nền Triết của quốc gia cũng y không có một nền Hiến pháp. Nếu ở đợt Hiến pháp không thể “đa phương “ thì ở đợt Triết cũng vậy. Sở dĩ người ta không nhận ra điều đó vì không biết đến thứ Triết lý đặt trên Cơ có tính cách bao dung nên thường không xuất hiện như nền Triết lý độc nhất, nhưng như Triết lý ưu thắng, nghĩa là vẫn dung chứa các nền Triết lý khác, nhưng thường những Triết lý này chỉ có để làm cảnh, người nào thích thì đem ra bàn cãi vậy thôi, chứ giả có trao cho tay lái con thuyền đời sống chẳng biết đâu mà rờ.

Thí dụ cụ thể trong lịch sử Tàu, đời Hán ban đầu rất trọng Lão Trang, đã đem quyền hành đặt vào tay Đạo giáo, nhưng chỉ ít lâu tỏ ra bất lực lại phải mời Nho lên đặt trên Cơ. Cái phiên của Âu Mỹ là chỉ có loại Triết lý làm cảnh, chứ không có Triết lý xây trên Cơ.

Triết lý đặt trên Cơ phải đi sát đời Sống, nhưng đi sát mà lại không đi vào những xác định chi li, nên vẫn giữ được tính chất Bao dung. Vì mỗi xác định là mỗi bám sát vào biến cố, một sự việc. Thí dụ nói về Chính trị, triết lý An vi chỉ đưa ra những Nguyên lý ở đợt đầu gọi là Chính lược, không xuống đến đợt Chiến lược, càng không đến đợt Chiến thuật. Vì càng xuống càng cá thể hoá cho hợp sự việc phải làm, việc nào cũng có một Không điểm, một Thời điểm nhất định, nên chỉ có một không thể hai, là những cái phải quyết định tùy hoàn cảnh mỗi lúc mỗi khác.

Triết học Duy Lý y cứ trên Ý niệm là cái đã xác định nhiều, khó có thể xuống tới Dụng là việc làm. Việc làm nào cũng là một cá thể có một không hai, phải luôn luôn quy định riêng cho nó. Muốn tổng quát hóa ở đợt này sẽ dễ dàng đi vào độc đoán và chuyên chế. Đây là lý do khi theo Triết học lý niệm đề câu nệ chấp một, thiếu sự mềm dẻo quên đi với Triết học xây trên Cơ. Cơ không có hệ thống nên không kèn càng, dễ thể nhập vào bất cứ đâu, vào bất cứ tổng hợp mới nào. Triết học Ý hệ rất khó lột xác để đi vào tổng hợp mới, do cái hệ thống kèn coi của nó với những xác định chi li, vì thế mà nó thất bại và chịu để thế giới hiện đại như thuyền không lái: bởi thiếu một Triết lý đặt trên Cơ. Ấy là nền Triết lý con Người đang mặc nhiên mong đợi, vì chỉ có nền Triết lý đầy Tâm Tình nó mới ứng hợp cho con Người thời hậu kỹ nghệ, nó sửa soạn bước vào giai đoạn phong lưu, làm ít chơi nhiều, sống thanh thoi như chim trời cá nước.”

(Trên đây là một mẫu thử áp dụng triết lý An vi vào chính trị Mỹ. Kim Định).”

G.- TRIẾT LÝ AN VI VỚI NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC

Khi đọc T. G. Kim Định chúng ta mới thấy mở ra một chân trời mới, một lộ đồ có thể đáp ứng được Quốc nạn và Quốc nhục của Dân tộc. Cái thất bại lớn lao nhất của lớp đàn anh là không thấy nan đề là nằm trong phạm vi Triết học, không có cái nhìn Triết học thì không có cái nhìn toàn triệt vấn đề mới sinh ra rắc rối. Triết đây không phải Triết Tây phương, mà là Triết lý Đông phương.

Theo Đông phương thì triết được Định nghĩa: Triệt : Triệt Dã (Triệt là phải đi cho tới cùng triệt của mọi vấn đề để có cái nhìn Chu tri (holistic knowledge), do đó mà phải Triệt Thượng và Triệt Hạ.

Triệt Thượng là “ **Cao minh phối Thiên:** Phải lên tới lãnh vực cao rộng sáng láng để kết hợp với Trời (thuộc lãnh vực Tinh thần, Tâm linh) để đôn hậu Tình Người và đồng thời cũng phải Triệt Hạ để “ **Bác hậu phối Địa** “ nghĩa là phải lăn lộn khắp mặt Đất để khám phá thế giới vật chất (thuộc lãnh vực Khoa học) để phát triển Lý trí hầu được Chu tri. Như vậy Triệt Thượng là để un đúc nguồn Tình, **Triệt Hạ** là trau dồi Nguồn lý, mặt khác Tình / lý là cặp đối cực (opposite term), nhưng cần phải làm sao kết thành nét lưỡng nhất (dual unit) để trở nên Hùng / Dũng mới đạt tới trạng Thái hòa nhờ gọi là ” **Âm / Dương hoà** “.

Để sống cho được Âm / Dương hoà là điều khó khăn bậc nhất, nên Âm / Dương hoà được tôn lên là **Đại Đạo (Đạo lý Nhân sinh)** .

Cuộc sống Vợ Chồng là khó khăn nhất, vì gia đình có là Tổ ấm để Vợ Chồng sống hoà hảo hạnh phúc bên nhau, sinh ra và nuôi dưỡng con cái thành Trai hùng Gái đảm, Gia đình được dùng làm nền tảng cho Xã hội.

Muốn Sống Hoà với nhau thì Vợ Chồng một mặt phải tôn kính nhau, Yêu thương và bao dung nhau để không xa rời nhau, mặt khác khi sống bên nhau hàng ngày thì phải biết kính trọng nhau và hành xử công bằng với nhau thì mới hoà với nhau được . Đừng xem thường đời sống Vợ Chồng trong Gia đình, nếu thất bại ở đây thì mọi lãnh vực khác cũng sẽ không ổn. Vậy ai có thể sống được như vậy, thừa mọi người.

Do đó vấn đề con Người được đặt lên vị trí hàng đầu, đó là con Người có Tư cách và khả năng. Có Tư cách thì mới biết tự chế để sống hoà với người khác. Muốn có khả năng Tự chế thì mỗi người phải có Lòng Tha thứ như Kitô giáo, Hỷ xả như Phật giáo, Hùng / Dũng như Nho giáo, vì khi sinh ra và lớn lên mọi người đều bất toàn nên phải tu Thân, nghĩa là Làm Người, mà Làm Người thì khó lắm, ngày nay nói đến chuyện làm Người thì người ta cười cho, vì cho rằng đã là người thì còn Làm Người làm gì nữa, người ta không nhận ra mình vẫn là con Người bất toàn và tin tưởng là khoa học có thể giải quyết được mọi nan đề, nhưng Khoa học mà thiếu Lương tâm thì chỉ là sự hủy hoại của Tâm hồn.

Khoa học như con dao hai lưỡi, Lưỡi bên này giúp Ăn nên Làm ra, còn Lưỡi kia thì khi đem mồ hôi nước mắt của Nhân dân ra chế bom Nguyên tử chỉ để dọa nhau mà đâu có dám dùng, làm ra nhiều rồi lại hô nhau tài giảm, nhưng vẫn luôn tìm ra thứ mới để hù dọa nhau, trong khi đó cuộc sống của người dân còn nhiều khó khăn chưa thể giải quyết. Tuy khoa học rất cần cho đời sống Vật chất, thiếu khoa học thì không thể Ăn nên Làm ra để nâng cao đời sống Vật chất, nhưng đời sống Tinh thần Tâm linh thì quan trọng hơn nhiều, do đó là cần phải làm sao cho đời Sống Tâm linh và Khoa học được Lương nhất theo kiểu Âm / Dương hoà thì nhân loại mới sống yên ổn bên nhau được. Sống như vậy là sống theo Dịch lý Việt , cũng là khởi đầu cho Triết lý An vi, nghĩa là làm sao cho Triết Hữu vi (Tây phương) / và Triết Vô vi (Đông phương) được Lương nhất tạo nên Triết lý An vi.

Một điều mà chúng ta phải quan tâm là khi tìm về nếp sống Tổ tiên xưa, thì mới nhận ra Tổ tiên xưa luôn đi trên con đường mòn từ Gần (Nội) tới Xa (Ngoại) từ Nhỏ tới Lớn, từ Đơn giản tới Phức tạp, từ Tầm thường tới Phi thường, từ Tinh vi tới Vĩ đại, . . . và đặc biệt phải làm sao cho Triệt Thượng và Triệt Hạ được giao hoà (Lương nhất), có khởi từ gần thì mới tiến tới Xa, có khởi từ Nhỏ thì mới tới cái lớn được . . . , vì Gần / Xa, Nhỏ / To, Đơn giản / Phức tạp, tầm thường / Phi thường, Tinh vi / Vĩ đại. . . đều là các cặp đối cực theo Dịch lý cần được Lương nhất mới ổn , mà Dịch lý là Thiên lý mà chúng ta phải tuân theo mới sinh tồn và phát triển được.

Khi đi vào Việt Nho, chúng ta không thể không bàn về nét Lương nhất trong Văn hoá Việt hay Việt Nho, nét Lương nhất là nền tảng của Dịch hay rộng hơn là của Triết lý An vi, Triết lý An vi

là Hồn của Việt Nho có Bản chất Hoà, nhờ luôn đạt thế Quân bình động, nên Việt Nho là nền Văn hoá Thái hoà.

Nay chúng ta bàn về Việt Nho là bàn về phần Xác của Triết lý An vi, Xác Việt Nho lại có Cơ cấu là Đồ hình và Số độ của Ngũ hành .

Đồ hình tượng trưng cho Floor plan hay cái Khung của ngôi nhà Việt Nho, còn Số độ tượng trưng cho những bảo vật trang trí quý giá trong ngôi nhà, cả hai có mục đích giúp cho đời sống Vật chất và Tinh thần con Người được nâng cao .

Có lẽ vào thời xa xưa, Lý trí của Tổ tiên chúng ta chưa được phát triển, chưa đủ Văn tự để diễn đạt Tư tưởng cho rõ ràng (mang tính chất Phân tích), nhất là mặt Tình cảm lại u linh man mác (mang tính chất Tổng hợp), nên phải dùng tới các Đồ hình và Số độ để vừa Hội Ý (về Tình cảm) và vừa Ngôn truyền (về Lý trí). Đồ hình là hình tượng (cụ thể) được dùng làm Biểu tượng như bàn nhún để vươn từ Hình tượng lên các Linh tượng (trừu tượng).

Ví dụ: Khi nhìn bức tượng của Đức bà Quan Thế Âm hay Đức Bà Maria thì ta nhận ra đó là các Biểu tượng cho nguồn Tình bao la của các Ngài, của các bà Mẹ.

Khi nhìn hình người đàn bà bị bịt mắt cầm cán cân (để khỏi thiên vị) giữ cho hai đĩa thăng bằng với nhau nơi các Toà Án thì Người đàn bà là Biểu tượng của nguồn Tình bao la nơi nguồn Tâm linh, chỉ có nguồn Tình mới có khả năng giữ cho hai đĩa cân được thăng bằng hầu thực thi lẽ Công bằng hay Công lý xã hội.

Nhìn hình Chúa Giê su thì chúng ta nhận ra Ngài là sứ giả Tình yêu của Đức Chúa Cha, Ngài có sứ mạng đem Tình Yêu để thực thi Công lý Xã hội hầu kiến tạo Hòa bình, vì chỉ có Tình yêu mới có khả năng thực thi lẽ Công bình, hay Tình yêu là cái La bàn giúp cho nền Công chính xã hội được thực hiện. Đây là sự sinh hoạt sao cho “ Tình / Lý tương tham ”

Còn các số độ là những con số thuộc Cơ số 10 được phân ra số Lẻ và số Chẵn, mỗi số đều mang theo một ý nghĩa linh thiêng hay Huyền niệm (Mystical numbers). Số Lẻ tượng trưng cho Vô, số Chẵn tượng trưng cho Hữu.

Phân tích / Tổng hợp cũng như Ngôn truyền / Hội ý hay Hữu / Vô đều là các cặp theo Dịch lý cũng cần đạt trạng thái Lưỡng nhất. Các Đồ hình thì dùng Hình Tròn và hình Vuông, hình Tròn tượng trưng cho Vô, hình Vuông tượng trưng cho Hữu, Tròn / Vuông cũng phải đạt nét Lưỡng nhất. Hình Tròn / Hình Vuông được Lưỡng nhất qua hình Hình học thành Hình Vuông ngoại tiếp, Cha ông chúng ta gọi là Mẹ Tròn / Con Vuông.

Chúng ta sẽ lần theo nền tảng của Văn hoá Dân tộc để làm sáng tỏ một số vấn đề căn bản:

I.-Việt tộc có Bộ sách Dân tộc không ?

(Kinh Hùng hải Triết 6. Kim Định)

“ Thừa là : Không mà lại Có :

1.- Không

Vì chưa có Văn tự riêng , không có chữ Viết thì hẳn là không có sách .

2.- Có

Là vì có Kinh Vô tự tức là những Văn kiện được biểu hiện bằng dăm ba bộ Số, với một mớ Huyền thoại và vô số Tục ngữ Ca dao. Các Số này được gọi là Huyền số, nó không dùng để đo đếm, nhưng để biểu thị cái khác, vì thế chúng làm nên những tiêu điểm khác quan nhưng cam nín, nên cần đến Huyền thoại làm như những lời nói lên có ý nghĩa. Tuy không có chữ, nhưng còn có Truyền khẩu mà Nội dung là Huyền thoại, nên kể là có.

3.- Huyền số

Những số đó (huyền số) có đủ giá trị chăng ? Thừa là quá đủ, vì đây là đang nói về giá trị Văn hoá thuộc Tinh thần, mà Tinh thần đi ngược với Vật chất. Với vật chất càng To càng hay, còn Tinh thần càng Bé lại càng quý : Bé cho đến số Không thì quý vô cùng. Vì tất cả triết lý Đông phương đều đặt trên số Không : Ấn Độ là Thái Hư, Lão Tử là Cốc Thần (hang trống) Nho là vô Thanh vô Xú , Việt là Trống (trong chữ Trống Đồng), muốn nói theo Nho thì đó là Hư Tâm, Hư Linh, tức cái Tâm có trống rỗng thì đạt được linh thiêng . Đó là bí quyết làm cho nước nên Văn hiến tức là có nền Văn hoá giàu chất Tâm linh.

II.- Những sách nào

Có bao nhiêu sách Dân tộc và những sách nào ? Sách Dân tộc Việt toàn là những Kinh không có chữ chỉ biểu hiện bằng bộ Số Vài Ba. Sau khi đã nghiên cứu mới thấy bộ Số đó quả là con chám Chủ quyền đã đóng vào vô số Văn kiện , Điển chương, Lược đồ, Di vật, Hiện vật, nên có thể nói đó là bấy nhiêu Sách Dân tộc. Tuy nhiên con Chám đóng hẳn xuống đã biến dạng nhiều cách nên khó nhận diện, chỉ sau khi đọc toàn bộ mới thấy rõ .

1.- Sách có tên: Kinh Hữu tự

Ở đây xin kể tạm vài ba quyển thôi:

a.- Sách Ước, gậy Thần của Hùng Vương.

b.- Sách Tản Viên, Ba Vì.

c.- Lạc Thư.

2.- Sách không tên: Kinh Vô tự

Sách không tên thì vô số , như : Cái Trống, cái Đình, cái Nhà sàn, cái gGềng và vô số Vật dụng khác đều hàm tàng các số 2 , 3 đôi khi cả 5 , 9 nữa . Cũng phải kể đến Huyền thoại mà nét đặc trưng là vẫn tắt hết sức chỉ một vài dòng như chuyện “ Nữ thần Mộc dạy anh em Lộ Bàn , Lộ Bộc biết làm nhà chữ Đình ” , vẫn tắt như thế nhưng ý nghĩa lại bao la vô tận . Quả đúng như câu châm ngôn triết : “ Nội hàm càng nhỏ Ngoại hàm càng to” . Nội hàm rút vào cùng cực thì toả ra

cũng cùng cực . Nội hàm rút vào còn có một chữ Trống thì toả ta muôn vàn. Trong các Kinh Vô tự, phải kể đến Kinh Dịch. Nó có một địa vị đặc biệt ở chỗ có chân trên cả hai bình diện Văn và Tự, tức là không có chữ mà chỉ có Số, vì thế gọi là Văn, vừa có chữ , nên gọi là Tự (tức là các Hệ từ). Truy tầm theo lối Sinh thành thí thấy Kinh Dịch có 5 giai đoạn (theo Tam phần thư) :

a.- Giai đoạn I

Dịch thiên nhiên hay Đạo Dịch của Trời Đất.

Tức hồn Dịch gặp được trong các Huyền thoại đầy chất Lương Hợp như truyện Ông Cò / Bà Cộc , Núi / Sông, Nước / Lửa, Tiên / Rồng . . .

b.- Giai đoạn II

Dịch Cửa Phục Hy.

Thành bởi nét Đứt (- -) nét Liên (—) ghép thành 8 quẻ đơn , mỗi quẻ có 3 nét . Đó là bộ số 2 , 3 , 5

c.- Giai đoạn III

Dịch Của Ông Đại Vũ đúc 9 đỉnh.

Tức là thêm vào vòng Trong 5 số, Sinh 4 số Thành nữa là 9 , cũng gọi là Cửu Lạc (số 9 của dân Lạc) .

d.- Giai đoạn IV

Dịch của Văn Vương.

Bắt đầu có Văn tự, đó là những lời giải nghĩa 64 quẻ gọi là Hào từ.

e.- Giai đoạn V

Khổng Tử có thêm Thập Dục.

Nổi nhất trong đó là Hệ từ đại truyện có giá trị Triết lý siêu hình . Xưa nay người ta chỉ biết có giai đoạn IV và hầu hết nó đã trở thành sách bói toán và tán nhảm .

Giai đoạn V được chú ý chút ít . Chỉ như 3 giai đoạn trước thì hầu như không có ai nói gì tới và đây là chỗ cắt nghĩa sự sa đoạ của Nho là vì Đạo là cái gì linh thiêng siêu việt không thể dùng ngôn từ hữu hạn mà nói được, “ nói được thì không phải Đạo thường hằng nữa ”, mà chỉ là Đạo phù phiếm thuộc xã hội . Vì thế “ Tri giả bất ngôn ” người biết Đạo không nói mà chỉ dùng một hai dấu hiệu, vài ba con số để chỉ thị rồi yên lặng .

Đó là lý do tại sao các ạo lý Đông phương quý chữ Trống rỗng, Hư tâm, Vô thể. Vì thế Kinh Dịch khởi đầu chỉ có số 2 và 3 , đến sau mới thêm lời vào . Vậy mà các thế hệ sau lại chú ý nhiều

về lời thành ra chỉ chuyên Ngành mà bỏ Gốc . Nay muốn tìm lại Đạo Uyên Nguyên thì phải học về các số trong Kinh Dịch.

3.- Ý nghĩa các Huyền số

Muốn tìm ý nghĩa các số ta hãy căn cứ trên Kinh Dịch . Kinh Dịch chia các số theo những lối cần phải biết để sau đoán ý .

a.- Số Đất

Chỉ bằng các số chẵn là 2 , 4 , 6 , 8 , nếu vẽ ra hình sẽ là nét Ngang — hoặc hình vuông □ .

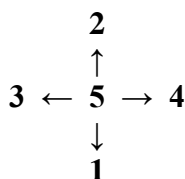
b.- Số Trời

Chỉ bằng các số lẻ 1 , 3 , 5 , 7 , 9 . Vẽ ra là hình nét Dọc | , hoặc hình tròn ○ .

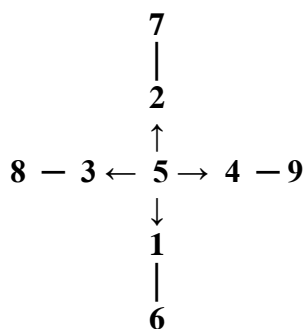
c.- Vòng Trong, vòng Ngoài (Hợp Nội / Ngoại chi đạo)

Các số trên được chia ra vòng Trong và vòng Ngoài:

Vòng trong (xếp theo Ngũ hành): gồm 5 số từ 1 – 5 , được gọi là số Sinh.



Vòng ngoài : gồm 4 số từ 6 – 9 được gọi là số Thành.



(5+1 = 6 ; 5+2 = 7 ; 5+3 = 8 ; 5+4 = 9 : Số Thành)

Văn hoá nào có nhiều số 4 là thiên về Địa, có thể gọi là Duy vật với hình Ngang hay Vuông . Chính trị đặt trên mẫu Du mục: có Giai cấp, liên hệ người là Chủ / Nô. Còn thiên về số 1 là nghiêng về Thiên có thể gọi là duy Tâm linh, hình là nét Dọc hay Tròn. Đây chỉ là sự phân loại Thiên thiên chưa được áp dụng. Đó sẽ là việc được bàn trong toàn sách, chỉ cần nói rằng trong thực tế Văn hoá nào cũng có rất nhiều sửa sai nên nó làm cho khó nhận diện. Lại theo luật hai Thái cực ở liền ngõ (les extrêmes se touchent), nên Văn hoá ưa dùng số 4 cũng dùng số 1 (nguyên lý Đồng nhất), còn Văn hoá ưa dùng số 1 cũng lại dùng số Đất như số 4. Vì thế có những bộ số: 1 – 4 hay 4 – 1.

Việt Nho thì dùng bộ số 2 - 3. Việt nói Vài Ba (2 – 3); Tàu nói Tham Lương (3 – 2) . Hai số cộng với nhau thành 5 , số Ngũ hành. Đó là bộ số chỉ trở sự Quân bình vũ trụ: Trời 3 , Đất 2 . Vẽ ra là hình Thập tự nhai \perp gồm nét Ngang là 2 Đất, cộng với nét Dọc là 3 Trời thành Ngũ hành là số 5. Hoặc cùng vẽ là hình Tròn trên Vuông hay Tròn bao lấy Vuông.(Vòng Tròn ngoại tiếp của hình Vuông)

Xã hội theo quy chế Bình sản không có chế độ Nô lệ. Hỏi ai là chủ bộ số 2 – 3 này trước thì đó là Việt. Vì cả Khảo cổ (nét song trùng lưỡng hợp hay Lưỡng nhất : dual unit) lẫn Huyền thoại (Tiên / Rồng) đều nói lên điều đó. Đây chỉ nói có số 2, vì nó là đầu mối cho các số nền tảng sau:

Thí dụ :

$$\text{Số 3} = 1 + 2$$

$$\text{Số 5} = 2 + 3$$

$$\text{Số 9} = 5 + 4$$

Các bộ số cứ đi đôi (2) như vậy vừa Căn bản lại vừa Đặc trưng để nhận diện. Trong thực tế thì phải nói cả Việt lẫn Tàu đều là chủ. **Việt chủ ở đợt số Sinh gọi là Văn hoá; Tàu chủ ở đợt số Thành gọi là Văn minh.** Nói khác đi Việt thai nghén ra những tượng ý, thí dụ **bánh Dày bánh Chung.** Còn Tàu thì hoàn chỉnh tượng ý đó bằng đồ khuôn lời gọi là công thức hoá Bánh dày Bánh chung Việt trở thành câu “ **Thiên viên Địa phương** ” của Nho.

Còn Rắn với Thuồng luồng của Việt trở thành con Long của Tàu, Nhà sàn trở thành Tam tài. Do đó mà đặt thứ tự Việt Nho tức là Việt trước Nho (khi hiểu Nho là Tàu). Đây là vấn đề rắc rối sẽ phải nhờ đến sự trợ lực của các khoa Tân nhân văn như Khảo cổ, Dân tộc học, Cổ sử để phân xử. Để đi đến hệ quả là muốn tìm ra đâu là Nho trung thực tức là Nho chưa xa lìa số Sinh của nó thì phải kể đến yếu tố Việt. Nói cụ thể là phải kể đến Huyền thoại và Huyền số nữa, nếu không dễ trật đường. Trên đây ta đã nói bộ số nền tảng của Việt Nho là Vài (2) Ba (3). Sau đây là vài thí dụ đi trật đường:

1 .- Trong thời gian thai nghén Văn tự thời còn là chữ chân Chim (điều tích tự) hay **chữ con Quăng (khoa đầu)** thì số 2 Đất được biểu thị bằng 2 nét ngang \equiv , còn số 3 Trời được

biểu thị bằng 3 gạch thẳng | | |, cả hai hợp lại thành chữ Kỳ (căn = radial) : 示 (5 nét). Vì hai bộ số này là linh thiêng nên dùng căn kỳ đi với các chữ gì thì linh thiêng như:

Chữ tế: 祭 Chữ lễ: 禮 Chữ thần: 神 Chữ thiên: 禪 Chữ kỳ: 祈 ..

Nhưng về sau người ta quen viết Tháo (chữ viết cho nhanh) thì chữ kỳ 示 (Căn : radical : 5 nét) chỉ còn 4 nét (示).

Vậy là từ số Trời 5 nét đọa ra số Đất 4 nét lúc nào rồi mà không một ai ý thức điều đó.

2 .- Hủ Nho bỏ số Sinh mà chuyên nhiều về số Thành là bát quái và 64 quẻ. Do thế Nho là một Đạo quân bình siêu đẳng đi lần vào chỗ suy vi bị bẻ quặt.

Nay muốn tìm ra môi Đạo Uyên nguyên, thì đó là cả một công trình bao la đòi phải có sự đóng góp nhiều ngành chuyên môn. Về phía Triết chúng tôi cố gắng tìm lại phần nào bằng chú tâm đến bộ số “ **Vài Ba, Tham Lương** ” như (2 – 3) và (5 – 9). **Cái bí quyết thành “ Văn hoá chi bang ” nằm trong mấy con Huyền số nọ.** Nói khác đi đây là nhằm khai quật phần Tâm linh trong nền Văn hoá nước nhà. Riêng về Tàu và Việt khi tới Việt Nho thì chỉ xin hiểu là 2 thực thể hoàn toàn Văn hoá, xin gầy ra ngoài mọi suy luận thuộc Chủng tộc hay Chính trị, để chỉ chú ý đến Văn hoá mà thôi.

Theo đó, **thì Việt chỉ tất cả các dân dã cư ngụ trong nước Tàu trước khi có Dân tộc Tàu, Việt Nam chỉ là một chi trong cái khối lớn lao đó,** Có chăng Việt là chi được coi như kế thừa nền Văn hoá của khối Đại Việt, đối với Tàu xuất hiện về sau. Cả hai nơi đều tổ chức xã hội theo mẫu Nông nghiệp, Việt thì còn giữ nguyên chất nhiều hơn, hãy tạm gọi là 9 nông 1 du, còn Tàu thì 6 nông 4 du. Do đó có một số nét khác biệt làm cho Tàu nói chung không quân bình bằng Việt.

Thí dụ về Vật biểu Tàu chỉ có Ròng (độc Dương) , đang khi Việt có cả Ròng lẫn Tiên, nhân đó **Việt trọng bên Tả, nổi về Văn hoá tinh thần, Tàu trọng bên Hữu nổi về Văn minh (vật chất)**. Còn rất nhiều chi tiết sẽ đề cập sau. “

(Kim Định)

Việt Nhân

Tham khảo

[1]- Frequencies of Matter

Is it theoretically possible for physical solid matter to vibrate

Solid matter continually vibrates, and the vibrations are perceived macroscopically as temperature. It is the rotational and vibrational motion of the atoms and molecules which are bound together at a high enough frequency

The temperature of a solid comes with a [black body radiation](#) connected to it, and thus there exists a spectrum of characteristic frequencies, related to the frequencies of the vibrational and rotational levels of the atoms and molecules in the solid. **The higher the temperature the higher the frequency, and the higher the frequency the higher the temperature.**

to become imperceptible to vision and move through other solid matter?

If the frequency gets high enough the solid will either burn, or melt, depending on the atoms and molecules involved. The result of high frequencies of vibration do not lead to metaphysical conditions.

The level of energy is highest in gases, medium in liquid and lowest in solids. The speed of sound is highest in solids, while the speed is a bit slower in liquids and minimum in gases.

Key Differences Between Solid, Liquid and Gas

The difference between **solid, liquid and gas** can be drawn clearly on the following grounds:

1. A substance having structural rigidity and has a firm shape which cannot be changed easily is called solid. A water-like fluid, that flows freely, having a definite volume but no permanent shape, is called liquid. Gas refers to a state of matter, do not have any shape but conform to the shape of the container, completely, in which it is put in.
2. While solids have certain shape and volume, liquids only have definite volume but not shape, gases neither have shape nor volume.
3. The level of energy is highest in gases, medium in liquid and lowest in solids.
4. The compression of solids is difficult, liquids are nearly incompressible, but gases can be easily compressed.
5. Molecular arrangement of solids is regular and close, but liquids have irregular and sparse molecular arrangement and gases, too have random and more sparse arrangement of molecules.
6. The molecular arrangement in solids is well organised. However, the layers of molecules slip and slide over one another, in the case of liquids. In contrast, the particles in gases are not at all organised, due to which the particles move randomly.
7. When it comes to fluidity, solids cannot flow, however, liquids can flow and that also from the higher level to lower level. As against this gases flows in all directions.
8. The spaces between the molecules and the kinetic energy are minimum in solids, medium in liquid and maximum in gases. So, the motion of molecules is negligible in solids, whereas in liquids, the erratic, random motion of molecules can be seen. Unlike gases, which have the free, constant and random motion of molecules.
9. In solids, the particles are held tightly by strong intermolecular attraction, although in liquids the attraction between particles is intermediate. As against this, the particles are loosely held, because the intermolecular attraction is weak.
10. The speed of sound is highest in solids, while the speed is a bit slower in liquids and minimum in gases.

11. As solids have a definite shape and size, they do not require a container for storage. Liquids cannot be stored without a container. Conversely, for storing gases, a closed container is required.

(Đây là ba trạng thái biến đổi của Vật chất mà nhà Phật gọi là tướng Ảo hóa đã bày ra đó)

Changing the Frequencies of Our Thoughts



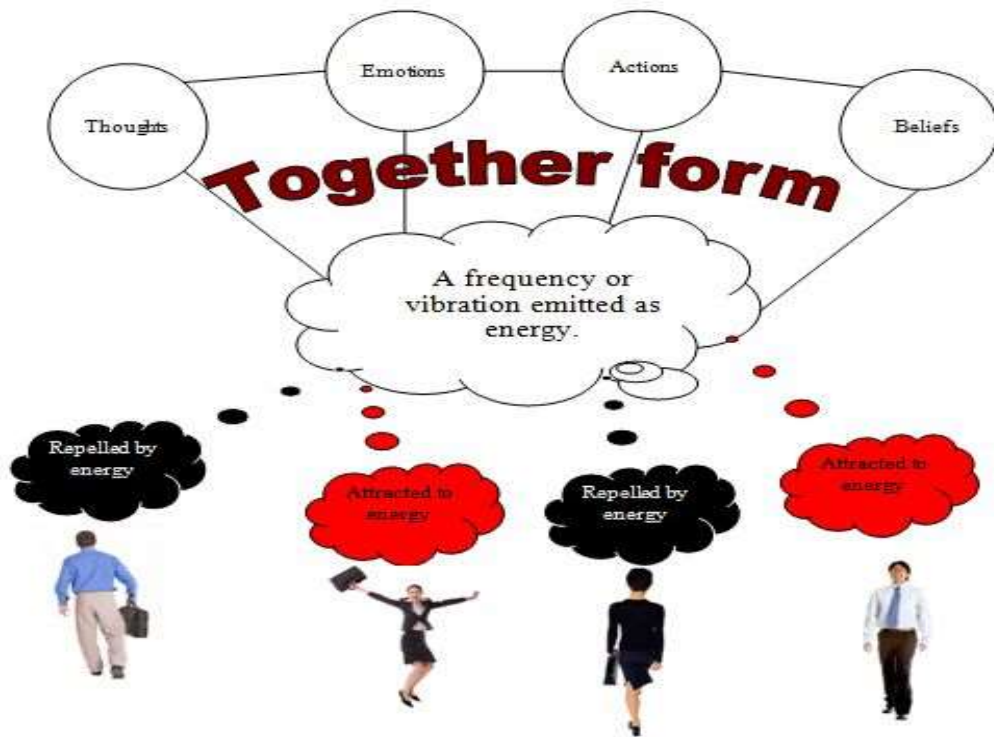
Is it possible that different types of thoughts have different frequencies, just like a radio station? I believe the answer to that is that to a degree they do, however it's not the thoughts that emit a frequency **it's the brainwaves, which are directly controlled by thoughts and emotions**. That brainwave frequency is then transmitted into the world, so to speak. Others pick up on the frequency, or vibration, and are attracted to it or repelled by it depending on their frequency at a particular time.

For example when you are in a bad mood, for whatever reason, your thoughts are generally negative, you might not want to be around people. Your thoughts are creating emotions of "go away" to everyone around you, your behaviour is then affected by your thoughts and emotions. Your body language will tell people to stay away from you or to leave you alone for a bit. Others will pick up on your brainwave frequency, vibration, subconsciously, and stay away or they will talk to you, trying to give you some of their energy and lift your energy.

If we can manage to control our thoughts, we are effectively controlling our emotions, which in turn is controlling our behaviour. If we control our thoughts and behaviours we are effectively controlling our mind energy and the frequencies of the brainwaves we are sending out to the world.

Thoughts and attraction

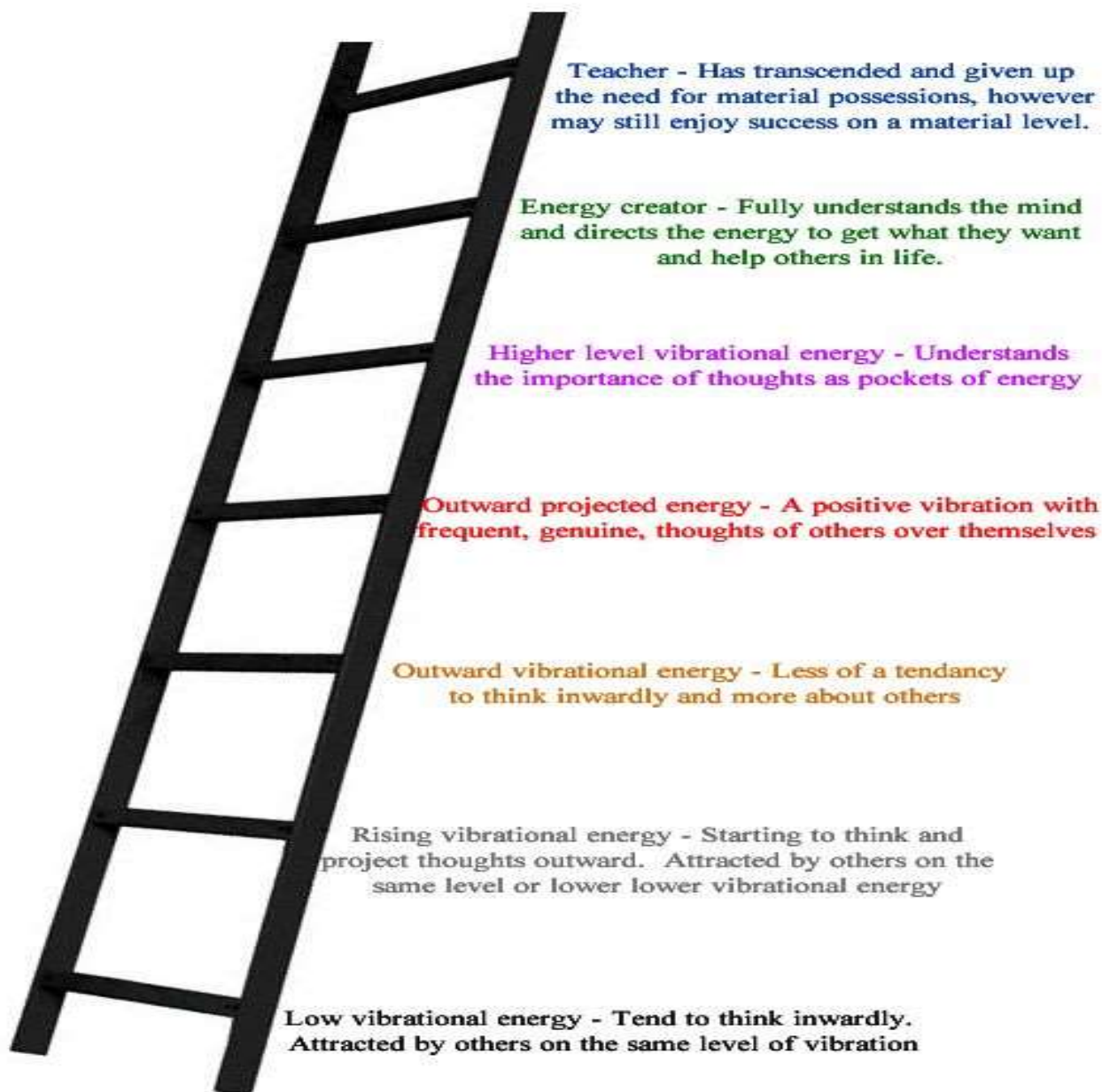
We've heard a lot about the law of attraction. I think the use of the term has become overused and therefore misunderstood, subsequently it has not been taken that seriously. However if we use the model below to show how our thoughts can attract like minded people and events into our lives, I think we can take it a little more seriously:



From the above model we see that your mind energy attracts others with the same mind energy, or close to it. I believe your mind energy is literally touching others, a little tap on the shoulder saying "hey, there's this guy over there who has the same energy as yours, maybe worth speaking to him." Or "there's a woman in the room who is thinking a lot about her financial situation, you might be able to help her."

What we are thinking a lot about will produce different brainwave frequencies. So, if you're thinking a lot about your financial situation with a positive frame of mind, that frequency will touch others who may be able to help you in some way. If, on the other hand, you are thinking about your financial situation in a negative way, those thoughts will produce a different frequency and you will touch others who could make your financial situation worse.

The ladder of vibration



Other Solar Systems

Our **Milky Way Galaxy** is just one of billions of galaxies in the universe. Within it, there are at least **100 billion stars**, and on average, each star has at least one planet orbiting it. This means there are potentially thousands of planetary systems like our solar system within the galaxy!

Our **Sun** is one of at least **100 billion stars** in the **Milky Way**, a spiral galaxy about 100,000 light-years across.



[Telescope Named For 'Mother of Hubble'](#)

How many Suns in the Universe

The stars are arranged in a pinwheel pattern with four major arms, and we live in one of them, about two-thirds of the way outward from the center. Most of the stars in our galaxy are thought to host **their own families of planets**.

The Milky Way galaxy is just one of **billion of galaxies** in the universe.

The universe is a vast expanse of space which contains all of everything in existence. The universe contains all of the galaxies, stars, and planets. The exact size of the universe is unknown. **Scientists believe the universe is still expanding outward.**

Go farther. [Explore Beyond Our Solar System In Depth >](#)

Like early explorers mapping the continents of our globe, astronomers are busy charting the spiral structure of our galaxy, the Milky Way. [More >](#)

How many Suns in the Universe?

Hey cool cats, I'm Dr. Universe, here to answer your baffling science questions like this one. How many suns are in the universe? **The sun is actually a star**, our nearest star, but there are lots of stars out there. Maybe you've tried counting them before. One, two, three, four, five, six, seven stars make up the big dipper. Astronomers estimate that **the human eye could spot about 9,000 stars**. Of course, the Earth blocks our vision so we only see about half of those in the night sky. If **we use binoculars, we could see** even more stars, about **200,000 of them**. A **small telescope** can help us see more than **15 million stars** and even more powerful telescopes can help us look for other galaxies which are home to even more stars. Have you ever been stargazing? What did you see in the night sky? Tell us about it sometime at Dr.Universe@wsu.edu.

Do stars emit energy?



slideshare.net

The majority of stars emit most of their electromagnetic energy as visible light, the tiny portion of the spectrum to which our eyes are sensitive. Because **wavelength correlates with energy**, the color of a star tells us how hot it is: **red stars are coolest, blue are hottest.**

The main difference between the sun and any other star is the distance each are from Earth. The sun is closer to this planet than all of the other stars.

Size is another major difference between the sun and other stars. **The sun is the biggest star in this solar system.** Within the whole universe, the sun is quite small compared to the enormous stars that exist beyond our solar system. **The largest star** that scientists have discovered is called **Mu Cephei.** **Over one billion of Earth's suns could fit inside of Mu Cephei.** This massive star is considered to be a giant in the universe.

Stars also differ in temperature. Temperature differences can be interpreted using color changes. Stars that burn red and orange are much cooler in temperature than the sun. Stars that burn white or blue-white are much hotter than the sun.

As well as mass and temperature, all of the stars also differ in age. The sun in this solar system is approximately five billion years old, making it a middle-aged star. As the stars grow older, they are subject to changes in mass, size and temperature. Sometimes, stars can even lose mass as they age.

Kính mời đọc thêm những bài khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/vietnhan.html>

www.vietnamvanhien.org

